**THÔNG TIN CHUNG VỀ SÁNG KIẾN**

 **1. Tên sáng kiến: *"Thiết kế hệ thống bài tập trắc nghiệm khách quan nhằm khắc phục một số lỗi sai thường gặp của học sinh lớp 5 khi học chủ đề Số thập phân."***

 **2. Lĩnh vực áp dụng sáng kiến**: Môn Toán.

 **3. Tác giả**:

 Họ và tên: ***Phạm Thị Thượng***. Nữ.

 Ngày/ tháng/ năm sinh: 09/ 11/ 1975.

 Trình độ chuyên môn: Đại học Sư phạm Tiểu học.

 Chức vụ: Giáo viên

 Đơn vị công tác: TrườngTiểu học Chí Minh I.

 Điện thoại:02203 747 509.

 **4. Chủ đầu tư tạo ra sáng kiến:** TH Chí Minh I- Tứ Kỳ - Hải Dương.

 **5. Đơn vị áp dụng sáng kiến lần đầu**: Lớp 5A1 -TrườngTiểu học

 Chí Minh I - huyện Tứ Kỳ - Tỉnh Hải Dương.

 **6. Các điều kiện cần thiết để áp dụng sáng kiến:**

- Các tài liệu liên quan môn học; các văn bản hướng dẫn, thông tư đánh giá học sinh;

- Đồ dùng dạy học đầy đủ, không gian lớp học thân thiện;

- Giáo viên và học sinh.

 **7. Thời gian áp dụng sáng kiến:** Năm học 2020 - 2021.

|  |  |
| --- | --- |
| **TÁC GIẢ**(Ký, ghi rõ họ tên)**Phạm Thị Thượng** | **XÁC NHẬN CỦA ĐƠN VỊ ÁP DỤNG SÁNG KIẾN** |

**XÁC NHẬN CỦA PHÒNG GD&ĐT**

**MỤC LỤC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Trang** |
| MÔ TẢ SÁNG KIẾN |  |
| 1. Hoàn cảnh nảy sinh sáng kiến |  |
| 2. Cơ sở lí luận |  |
| 2.1. Trắc nghiệm khách quan là gì? Xu thế, ưu điểm, hạn chế |  |
| 2.2. Cấu trúc chung của bài tập trắc nghiệm khách quan |  |
| 2.3. Các dạng bài tập trắc nghiệm khách quan |  |
| 2.4. Vai trò của chủ đề số thập phân trong chương trình Toán 5 |  |
| 3.Thực trạng của vấn đề  |  |
| 4. Thiết kế một số bài tập trắc nghiệm khách quan |  |
| 4.1. Sự cần thiết thiết kế hệ thống bài tập trắc nghiệm khách quan  |  |
| 4.2. Cách thiết kế bài tập trắc nghiệm khách quan |  |
| 4.3. Hệ thống một số bài tập trắc nghiệm khách quan  |  |
| 5. Đáp án một số bài tập và hướng dẫn sử dụng bài tập TNKQ |  |
| 5.1. Đáp án một số bài tập đã thiết kế |  |
| 5.2.Ví dụ minh hoạ cách sử dụng và khai thác bài tập đã thiết kế |  |
| 6. Kết quả đạt được |  |
| 7. Điều kiện để sáng kiến được nhân rộng |  |
| 8. Kết luận và khuyến nghị |  |
| 8.1. Kết luận |  |
| 8.2. Khuyến nghị |  |

**TÓM TẮT SÁNG KIẾN**

 **1. Hoàn cảnh nảy sinh sáng kiến**

 Trong các môn học ở Tiểu học, môn Toán là môn vô cùng quan trọng. Cùng các môn học khác, các kiến thức và kĩ năng môn Toán rất cần thiết để ứng dụng trong cuộc sống hàng ngày, đồng thời cũng rất cần thiết để bổ trợ cho các môn khác ở bậc Tiểu học cũng như học tập ở bậc tiếp theo. Trong chương trình Toán 5, nội dung xuyên suốt chương trình là phần số thập phân và gắn với nó là các phép tính với số thập phân. Qua nhiều năm giảng dạy lớp 4-5, bản thân tôi thấy khi dạy phần số thập phân học sinh còn nhầm lẫn nhiều; đặc biệt khi thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia. Các em có thể thực hiện thao tác cộng (hoặc trừ, nhân, chia) đúng nhưng chỉ cần đặt sai vị trí dấu phẩy (,) đã khiến cho bài làm của các em sai, kết quả học tập chưa đạt. Và còn nhiều những lỗi sai nhỏ khác cũng làm kết quả học tập của các em chưa tốt. Chính vì thế, tôi luôn trăn trở tìm cách nào đó để giúp học sinh học tập tốt hơn, tránh nhầm lẫn khi học toán. Và cuối cùng tôi đã chọn cách xây dựng hệ thống bài tập trắc nghiệm khách quan nhằm giúp các em luyện tập củng cố kiến thức, kĩ năng có liên quan, mặt khác giúp các em chuẩn bị vốn kinh nghiệm xử lí tình huống và vận dụng kiến thức linh hoạt trong kiểm tra, đánh giá. Chính vì vậy tôi quyết định lựa chọn đề tài ***"Thiết kế hệ thống bài tập trắc nghiệm khách quan nhằm khắc phục một số lỗi sai thường gặp của học sinh lớp 5 khi học chủ đề Số thập phân."***

 **2. Điều kiện, thời gian, đối tượng áp dụng sáng kiến**

 **2.1. Điều kiện:** Để áp dụng sáng kiến cần có những điều kiện sau:

 - Có đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị đồ dùng dạy - học.

 - Sự quan tâm chỉ đạo sát sao của BGH nhà trường, của các cấp lãnh đạo và những chia sẻ của bạn bè đồng nghiệp.

 - Sự phối kết hợp giữa giáo viên và phụ huynh.

 **2.2. Thời gian:**

 - Sáng kiến được áp dụng lần đầu năm học 2020 - 2021.

 **2.3. Đối tượng áp dụng sáng kiến:**

 - Học sinh lớp 5A1.

 **3. Nội dung sáng kiến:**

Sáng kiến được đưa ra trên cơ sở thực trạng dạy và học về số thập phân ở lớp 5. Sáng kiến đưa ra các cách thức, biện pháp dạy về số thập phân thông qua hệ thống bài tập trắc nghiệm khách quan nhằm phát huy được năng lực học tập của học sinh, chẩn đoán và ngăn ngừa những lỗi sai của học sinh mà tôi đã áp dụng có hiệu quả thông qua các việc làm sau:

- Tìm hiểu kĩ thuật thiết kế bài tập trắc nghiệm khách quan.

- Tìm hiểu cách sử dụng bài tập trắc nghiệm khách quan trong dạy học cũng như trong kiểm tra, đánh giá.

- Tìm hiểu các lỗi sai thường gặp của học sinh khi học tập chủ đề Số thập phân.

- Xây dựng hệ thống bài tập trắc nghiệm khách quan nhằm chẩn đoán và ngăn ngừa một số lỗi sai điển hình của học sinh khi học chủ đề Số thập phân.

- Áp dụng trong các tiết học toán.

**4.Khẳng định giá trị, kết quả đạt được của sáng kiến**

 Sau khi sáng kiến được áp dụng, học sinh không những hiểu bài, áp dụng cách làm có hiệu quả theo chuẩn kiến thức, kĩ năng yêu cầu mà các em còn có sự sáng tạo, linh hoạt trong việc vận dụng kiến thức để có kết quả nhanh nhất, tránh được những sai lầm đáng tiếc xảy ra; góp phần tích cực trong đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Toán ở lớp 5. Xoá bỏ dần ý nghĩ ngại và sợ học Toán, nhất là phần số thập phân vốn rất mới đối với các em.

 **5.Đề xuất, kiến nghị để thực hiện áp dụng hoặc mở rộng sáng kiến**

 - Đối với cơ quan chỉ đạo và quản lí chuyên môn cấp trên: Thường xuyên mở các lớp bối dưỡng chuyên đề về đổi mới phương pháp dạy học, cung cấp nhiều tài liệu chuẩn về đổi mới phương pháp dạy học.

 - Đối với nhà trường: Cần đầu tư nhiều sách tham khảo trong thư viện cho giáo viên và học sinh. Thường xuyên tổ chức các buổi chuyên đề về dạy học tích cực đặc biệt về môn Toán bằng các hoạt động thực tiễn cho tập thể giáo viên.

 *-* Đối với giáo viên: Giáo viên không ngừng học hỏi, tìm tòi để nâng cao hiểu biết cũng như tìm ra cách truyền đạt kiến thức tốt nhất đến học sinh.

 - Đối với học sinh: Cần tích cực học hỏi, thực hành, luyện tập kiến thức.

**MÔ TẢ SÁNG KIẾN**

 **1. Hoàn cảnh nảy sinh sáng kiến**

 Trong hệ thống giáo dục, bậc Tiểu học là bậc rất quan trọng, đặt nền tảng cho sự hình thành và phát triển nhân cách. Cùng với các môn học khác, môn Toán góp phần không nhỏ cho sự hình thành và phát triển nhân cách vì các kiến thức và kĩ năng môn Toán rất cần thiết để ứng dụng trong cuộc sống hàng ngày, đồng thời cũng rất cần thiết để bổ trợ cho các môn khác ở bậc Tiểu học cũng như học tập ở bậc tiếp theo. Nó giúp học sinh nhận biết các mối quan hệ về số lượng và hình dạng không gian của thế giới xung quanh, giúp học sinh có phương pháp nhận thức và cách thức hoạt động có hiệu quả trong đời sống. Mặt khác, môn toán còn rèn luyện cho học sinh phương pháp suy nghĩ, suy luận, giải quyết vấn đề có căn cứ, khoa học, toàn diện và chính xác. chính vì thế mà nó có vị trí và nhiệm vụ vô cùng to lớn.

 Bên cạnh đó, xuất phát từ yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông hiện nay phải đảm bảo tính đồng bộ và toàn diện. Tính đồng bộ và toàn diện không chỉ đổi mới nội dung, chương trình, sách giáo khoa mà còn đổi mới cả cách thức kiểm tra đánh giá trong quá trình dạy học. Việc kiểm tra, đánh giá hiện nay đã kết hợp sử dụng sử dụng hình thức bài tập trắc nghiệm khách quan và bài tập tự luận. Chính vì thế người dạy cần có hệ thống bài tập cơ bản dựa vào chương trình, sách giáo khoa và thực tiễn để củng cố, rèn luyện kiến thức, kĩ năng có liên quan cho học sinh, giúp học sinh nắm vững kiến thức và vận dụng kiến thức linh hoạt trong học tập, trong kiểm tra, đánh giá.

 Từ thực tế cho thấy, trong sách giáo khoa dạng bài tập tự luận khá phong phú, còn dạng bài tập trắc nghiệm khách quan còn ít. Qua nhiều năm giảng dạy lớp 4-5, tôi thấy khi dạy phần số thập phân học sinh còn nhầm lẫn nhiều đặc biệt khi thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia. Chính vì thế, tôi luôn trăn trở tìm cách nào đó để giúp học sinh học tập tốt hơn, tránh nhầm lẫn khi tính toán. Và cuối cùng tôi đã chọn cách xây dựng hệ thống bài tập trắc nghiệm khách quan nhằm giúp các em luyện tập củng cố kiến thức, kĩ năng có liên quan; mặt

khác giúp các em chuẩn bị vốn kinh nghiệm xử lí tình huống và vận dụng kiến thức linh hoạt trong kiểm tra, đánh giá.

 Từ những lí do trên, tôi mong muốn xây dựng được một hệ thống bài tập trắc nghiệm khách quan làm tài liệu dạy học cho bản thân, làm tài liệu tham khảo cho các bạn đồng nghiệp, cho phụ huynh học sinh khi dạy học chủ đề số thập phân. Vì vậy, tôi đã chọn đề tài: ***"Thiết kế hệ thống bài tập trắc nghiệm khách quan nhằm khắc phục một số lỗi sai thường gặp của học sinh lớp 5 khi học chủ đề Số thập phân."***

 **2. Cơ sở lý luận**

**2.1. Trắc nghiệm khách quan là gì?**

 Trắc nghiệm khách quan là dạng trắc nghiệm trong đó mỗi câu hỏi có kèm theo câu trả lời sẵn. Loại câu hỏi này cung cấp cho học sinh một phần hoặc tất cả thông tin cần thiết và đòi hỏi học sinh phải chọn một câu để trả lời hoặc cần điền thêm một vài từ. Trắc nghiệm khách quan phải xây dựng sao cho mỗi câu hỏi chỉ có một câu trả lời đúng hoặc câu trả lời tốt nhất.

**2.2. Xu thế chung hiện nay về việc sử dụng bài tập trắc nghiệm khách quan trong trường Tiểu học**

 Do yêu cầu đổi mới giáo dục ở phổ thông kéo theo đổi mới kiểm tra, đánh giá. Đó là việc sử dụng kết hợp linh hoạt hình thức trắc nghiệm khách quan và tự luận. Hiện nay,ở trường Tiểu học đã sử dụng hình thức trắc nghiệm khách quan trong kiểm tra đánh giá ở tất cả các môn, đặc biệt là môn Toán.

 Không chỉ sử dụng trong kiểm tra, đánh giá, hệ thống bài tập trắc nghiệm khách quan còn được sử dụng khá phổ biến trong dạy học nhằm bổ trợ kiến thức, rèn luyện kĩ năng, bồi dưỡng và phát triển các năng lực tư duy cho học sinh.

**2.3. Những ưu điểm và hạn chế của bài tập trắc nghiệm khách quan**

 *\* Ưu điểm:*

 - Cho phép trong một thời gian ngắn kiểm tra được nhiều kiến thức cụ thể, đi vào nhiều khía cạnh khác nhau của kiến thức.

 - Phạm vi kiểm tra kiến thức trong một bài trắc nghiệm khách quan khá rộng nên có thể tránh được tình trạng học tủ, chỉ lo vào kiến thức trọng tâm.

 - Các câu hỏi trong bài trắc nghiệm thường có tính tổng hợp, khái quát,...cho nên học sinh không chỉ dựa vào tài liệu ghi chép thuần tuý mà đòi hỏi các em phải tích cực độc lập suy nghĩ để trả lời.

- Khi làm bài, học sinh không phải viết nhiều mà chỉ cần viết kí hiệu hoặc điền từ ngắn gọn nên học sinh hứng thú học tập.

 - Việc chấm, chữa bài nhanh chóng, đơn giản, khách quan và chính xác.

 - Học tập với dạng bài trắc nghiệm khách quan khuyến khích học sinh tự giác, tích cực tích luỹ kiến thức.

 - Cho phép học sinh có thể tự đánh giá kểt quả học tập, do đó có thể áp dụng phương pháp này để tự học.

 - Có thể đánh giá, kiểm tra kiến thức của hoc sinh về các sự kiện, khả năng suy luận, suy diễn và so sánh phân biệt.

 *\* Hạn chế:*

 - Vì bài tập không yêu cầu học sinh diễn đạt kiến thức dưới dạng thành văn nên không phát huy được khả năng diễn đạt của học sinh.

 - Kết quả trắc nghiệm chỉ cho giáo viên biết kết quả suy nghĩ của học sinh mà không cho biết quá trình suy nghĩ của học sinh với bài học.

 - Còn có yếu tố ngẫu nhiên, may rủi.

 - Hạn chế việc đánh giá năng lực sáng tạo của học sinh.

 - Việc biên soạn câu hỏi trắc nghiệm công phu.

 Mặc dù còn một số hạn chế song phương pháp kiểm tra, đánh giá bằng hình thức trắc nghiệm khách quan luôn hỗ trợ tích cực trong việc kiểm tra đánh giá. Việc phối hợp cả hình thức tự luận và trắc nghiệm khách quan sẽ giúp cho việc đánh giá kết quả học tập của học sinh chính xác hơn, nó sẽ bổ sung cho nhau, tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh bộc lộ năng lực của mình.

**2.4. Cấu trúc chung của bài tập trắc nghiệm khách quan.**

**a. Cấu trúc:** Bài tập trắc nghiệm khách quan gồm 2 phần: Phần câu dẫn và phần lựa chọn.

 ***Phần câu dẫn gồm:***

 + Nội dung thông tin: Đưa ra các nhận định, mệnh đề,...

 + Nội dung chỉ dẫn: Đưa ra các yêu cầu về tri thức hoặc kĩ năng.

 + Nội dung hành động: Đưa ra các hành động nhằm chỉ dẫn học sinh làm theo để đạt được yêu cầu đã nêu ở phần chỉ dẫn.

 ***Phần lựa chọn****:* Gồm các câu trả lời trong đó có một câu trả lời đúng.

 **b. Ví dụ:**

 ***Ví dụ 1:***Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Số thập phân gồm bảy đơn vị, năm phần mười, tám phần nghìn viết là:

 **A**. 17,58

 **B.** 17,580

 **C.** 17,508

 **D**. 71,508

***Phần dẫn:***Nội dung thông tin: Cấu tạo và cách viết số thập phân

 Nội dung chỉ dẫn: Xác định cách viết đúng

 Nội dung hành động: Khoanh tròn vào chữ cái

***Phần lựa chọn:***

A. 17,58

 B. 17,580

 C. 17,508

 D. 71,508

 ***Ví dụ 2:***

 Đúng ghi Đ, sai ghi S vào các ô trống dưới mỗi cách đặt tính sau:



***Phần dẫn:***Nội dung thông tin: Gồm các phép tính và cách đặt tính

 Nội dung chỉ dẫn: Xác định cách đặt tính đúng và cách đặt tính sai.

 Nội dung hành động: Ghi Đ hoặc S vào ô trống.

***Phần lựa chọn****:* Ứng với mỗi cách đặt tính chọn Đ hoặc S (Đúng hoặc sai).

 ***Ví dụ 3:***

 Nối những số thập phân ở cột A với các số thập phân tương ứng ở cột B

 **A B**



3,082

$$\frac{382}{100}$$

3,82

$$\frac{3082}{1000}$$

0,85

$$\frac{805}{1000}$$

$$\frac{85}{100}$$

0,085

$$\frac{85}{1000}$$

0,805

***Phần dẫn:*** Nội dung thông tin: Các số thập phân và số thập phân

 Nội dung chỉ dẫn: Tìm cách viết tương ứng giữa số thập phân và số thập phân.

 Nội dung hành động: nối mỗi số thập phân với phân số thập phân.

***Phần lựa chọn****:* Đối với mỗi số thập phân ở cột A có 5 lựa chọn ở cột B.

***Ví dụ 4:***

 Điền từ thích hợp vào chỗ chấm để tạo ra các nhận định đúng sau:

 Nếu dịch chuyển dấu phẩy của một số thập phân sang bên trái một chữ số thì ta được một số thập phân mới....................... số thập phân đã cho.

 Nếu dịch chuyển dấu phẩy của một số thập phân ...................... một chữ số ta được một số thập phân mới lớn gấp 10 lần số thập phân đã cho.

 ***Phần dẫn:***

 Nội dung thông tin: Gồm các nhận định chưa hoàn chỉnh về cấu tạo hàng của số thập phân.

 Nội dung chỉ dẫn: Tạo ra các nhận định đúng.

 Nội dung hành động: Điền thêm các từ phù hợp vào chỗ trống.

 ***Phần lựa chọn****:* mở, học sinh tự điền.

 **2.5. Các dạng bài tập trắc nghiệm khách quan**

 Có 4 dạng bài tập trắc nghiệm khách quan :

 + Trắc nghiệm nhiều lựa chọn

 + Trắc nghiệm đúng - sai

 + Trắc nghiệm điền khuyết

 + Trắc nghiệm ghép đôi

 **2.5.1. Bài tập trắc nghiệm có nhiều lựa chọn:**

 *a, Khái niệm:* Mỗi câu hỏi trắc nghiệm có nhiều lựa chọn gồm một phần phát biểu chính gọi là phần dẫn và ba, bốn phương án trả lời cho sẵn để học sinh chọn ra câu trả lời đúng nhất hay hợp lí nhất. ngoài một câu đúng các câu trả lời khác trong các phương án lựa chọn phải có vẻ hợp lý với học sinh.

 *b, Ví dụ:* Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

 Kết quả của phép cộng: 138,2 + 68,45 là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 206,65 | B. 20,665 | C. 82,27 | D. 822,7 |

 *c, Ý nghĩa của dạng bài tập trắc nghiệm có nhiều lựa chọn:*

 - Dạng bài tập này có khả năng kiểmtra đánh giá được những mục tiêu giảng dạy và học tập khác nhau như:

+ Xác định mối quan hệ nhân quả.

+ Nhận biết điều đúng, sai.

+ So sánh để tìm ra sự giống nhau và khác nhau giữa các sự vật, hiện tượng.

+ Áp dụng các nguyên lí, quy luật, dự đoán.

 - Dạng bài tập này có độ tin cậy cao, yếu tố đoán mò, may rủi của học sinh giảm đi nhiều so với các loại câu hỏi trắc nghiệm khác. Khi số phương án lựa chọn tăng lên, học sinh phải cân nhắc kĩ càng để lựa chọn những câu trả lời đúng hay hợp lí nhất trong các phương án trả lời đã cho. hơn nữa dạng bài tập này có tính chất giá trị tốt hơn, có thể kiểm tra được khả năng nhớ, áp dụng các nguyên lí phân tích, tổng hợp, phán đoán, suy diễn tổng quát hoá.

 *d, Nguyên tắc thiết kế:*

 *- Nguyên tắc lập câu dẫn:*

+ Câu dẫn là câu đặt vấn đề cần ngắn gọn.

+ Câu dẫn phải mạch lạc, rõ ràng.

+ Các chi tiết chung được sắp xếp vào phần chính để các câu chọn được ngắn gọn.

 *- Nguyên tắc lập câu chọn:*

+ Câu đúng phải chính xác, câu đúng phải đơn trị.

+ Câu nhiễu phải có lí.

+ Câu đúng và câu nhiễu phải không có yếu tố phát hiện.

+ Phân bố một cách ngẫu nhiên câu trả lời đúng.

+ Các câu chọn phải có cấu trúc đồng nhất, song song và được sắp xếp một cách logic.

+ Các câu hỏi nhằm đo sự hiểu biết, suy luận hay khả năng áp dụng các nguyên lí nên được tránh trình bày dưới dạng mới, tránh trùng lặp với sách giáo khoa.

 **2.5.2. Bài tập trắc nghiệm nối cặp đôi:**

*a, Khái niệm:*

 Trắc nghiệm nối cặp đôi là loại có 2 cột gồm danh sách những chữ hay nhóm chữ hay câu dựa trên một tiêu chuẩn định trước vào đó, học sinh sẽ ghép mỗi chữ, nhóm chữ hay câu của một cột với phần tử tương ứng của cột thứ hai. Số phần tử trong 2 cột có thể bằng nhau hoặc khác nhau. Mỗi phần tử trong cột trả lời có thể được dùng một lần hay nhiều lần để ghép các phần tử trong một câu hỏi.

 *b, Ví dụ:* Nối phép tính với kết quả đúng:

 **A B**



0,065

43,2: 10

$$0,4356$$

0,650: 10

4,32

2,23: 100

0,1396

43,56: 100

0,023

139,6 : 1000

 *c, Ý nghĩa:*

 - Loại trắc nghiệm này có thể sử dụng để kiểm tra kiến thức về mối tương quan, quan hệ giữa các hệ thức hay ghép từ, câu với ý nghĩa tương ứng.

 - Yếu tố đoán mò được giảm đi rất nhiều, đặc biệt nếu số phần tử ở hai cột khác nhau về số lượng thì yếu tố may rủi giảm đi càng lớn.

 - Đây là loai câu hỏi được học sinh rất thích vì nó có nhiều hình vẽ, học sinh được kẻ, nối, ...

 - Dễ soạn câu hỏi.

 *d, Nguyên tắc thiết kế:*

 - Danh sách mỗi cột không lên quá dài, nên có ít nhất 3 phần tử, nhiều nhất 6 phần tử trong mỗi cột.

 - Phải xác định rõ tiêu chuẩn để ghép 1 phần tử của 1 cột trả lời và phần tử tương ứng của cột câu hỏi. Phải nói rõ mỗi phần tử trong cột trả lời chỉ được dùng 1 lần hay nhiều lần.

 - Số phần tử để lựa chọn trong cột trả lời nên nhiều hơn số phần tử trong cột đặt câu hỏi hoặc mỗi phần tử trong cột trả lời được sử dụng nhiều lần.

 - Có thể dùng hình vẽ để tăng sự thích thú của học sinh cũng như có thể thay đổi dạng câu hỏi.

 - Các câu hỏi nên có tính đồng nhất hoặc liên hệ với nhau.

 - Các phần tử trong danh sách nên được sắp xếp theo trình tự hợp lý nào đó.

 - Tất cả các phần tử trong cùng một danh sách nên nằm trong cùng một trang đẻ học sinh đỡ nhầm lẫn hay gặp khó khăn khi phải lật đi lật lại một trang nhiều lần.

 **2.5.3. Bài tập trắc nghiệm đúng - sai**

 *a, Khái niệm*

 Trắc nghiệm đúng sai là loại trắc nghiệm mà mỗi câu trắc nghiệm thường gồm một câu phát biểu để học sinh phán đoán xem nội dung đúng hay sai.

 *b, Ví dụ:*

 Đúng ghi Đ, sai ghi S vào các ô trống dưới mỗi cách đặt tính sau:

    

 *c, Ý nghĩa:*

 - Đây là loại câu hỏi đơn giản nhất, giúp cho việc trắc nghiệm kiến thức về một lĩnh vực rộng lớn trong khoảng thời gian tương đối ít.

 - Loại trắc nghiệm khách quan này đo được độ rộng kiến thức, đọ hiểu biết kiến thức và cách trình bày.

 - Việc đối chiếu những kiến thúc đúng, sai sẽ giúp học sinh lật lại vấn đề, cảnh giác với những sai lầm, có lợi hơn là trình bày theo một chiều đúng.

 - Dễ soạn tốn ít công phu và thời gian.

 *d, Nguyên tắc thiết kế*

 - Mỗi câu nhận định ngôn ngữ phải đơn giản , ngắn gọn.

 - Mỗi câu trắc nghiệm chỉ nên diễn tả một ý, tránh bao gồm nhiều chi tiết.

 - Số câu đúng và số câu sai nên bằng nhau.

 - Tránh dùng các câu ở thể phủ định.

 - Nên soạn câu hỏi sao cho có nội dung hoàn toàn đúng hoặc hoàn toàn sai.

 - Nên viết những câu để học sinh được áp dụng kiến thức đã học.

 - Không nên trích nguyên văn câu hỏi từ sách giáo khoa, nên diễn tả lại các điều đã học dưới dạng các câu mới.

 **2.5.4. Bài tập trắc nghiệm điền khuyết**

*a,Khái niệm:*

 Bài tập trắc nghiệm điền khuyết là dạng bài tập đưa ra một mệnh đề hay nhiều mệnh đề chưa hoàn thiện và yêu cầu học sinh hoàn thiện nốt mệnh đề đó bằng các từ, các cụm từ, con số (cho trước hoặc không cho trước )

 Nếu được trình bày dưới dạng câu hỏi chúng ta gọi là loại có câu trả lời ngắn.

 Nếu được trình bày dưới dạng một câu phát biểu chưa đầy đủ ta gọi là loại câu điền khuyết.

 *b, Ví dụ:*

 Điền từ thích hợp vào chỗ trống để tạo thành các quy tắc đúng:

 - Muốn chia một số thập phân cho 10; 100; 1000; ...ta chỉ việc........của số đó lần lượt sang bên trái một, hai, ba.....chữ số.

 - Khi nhân một số thập phân với 0,1; 0,01; 0,001;.... ta chỉ việc......của số đó lần lượt sang bên trái một, hai, ba ... chữ số.

 *c, Ý nghĩa:*

 - Đây là dạng bài tập có thể rèn luyện và kiểm tra những kiến thức đòi hỏi trí nhớ.

 - Câu hỏi dạng này rất thích hợp cho những vấn đề như tính toán, điền số hoặc chữ số còn thiếu, đánh giá những hiểu biết mặt lý thuyết, giải thích dữ kiện diễn đạt ý kiến.

 - Học sinh không có cơ hội đoán mò mà phải nhớ và nghĩ để trả lời.

 - Học sinh có cơ hội trình bày theo ý mình, phát huy óc sáng tạo.

 *d, Nguyên tắc thiết kế:*

 - Tránh trích nguyên văn mệnh đề từ sách giáo khoa để tránh tình trạng học sinh học thuộc bài một cách máy móc.

 - Đối với những bài trắc nghiệm dài có nhiều chỗ trống cần điền khi thiết kế nên đánh số thứ tự các chỗ trống để học sinh theo dõi và không bỏ sót chỗ cần điền.

 - Nếu câu trắc nghiệm là câu hỏi nên đặt chỗ trống vào cuối câu hỏi.

 - Các khoảng trống trong mỗi câu trắc nghiệm nên có độ rộng bằng nhau để học sinh không đoán được chữ cần điền.

 - Trong một câu trắc nghiệm không nên bỏ quá nhiều chỗ trống, như vậy làm câu hỏi không rõ nghĩa.

 - Nên lựa chọn vị trí chỗ trống phù hợp để học sinh phải điền được từ chìa khoá của vấn đề(những từ cần điền phải có ý nghĩa quan trọng).

 - Do đặc trưng của dạng trắc nghiệm điền khuyết nên bất kì câu trả lời nào đúng cũng được tính mặc dù câu trả lời của học sinh có thể khác với đáp án.

 - Tránh viết những câu diễn tả mơ hồ.

 - Lời chỉ dẫn phải rõ ràng, học sinh phải biết được các chỗ trống cần điền.

 **2.6. Vai trò của chủ đề số thập phân trong chương trình Toán 5.**

Chủ đề Số thập phân là một nội dung khó với học sinh tiểu học vì đây là lần đầu tiên học sinh được làm quen với hệ thống số mới, có vai trò, tác dụng mở rộng hơn so với những hệ thống số đã học trước đó. Nội dung này được giới thiệu dựa trên kiến thức về số tự nhiên, cấu tạo thập phân của số, đo độ dài, phân số. Do vậy để học tốt nội dung này học sinh cần nắm vững kiến thức của các hệ thống số khác. Các phép tính trên số thập phân có nhiều quy tắc dễ nhầm lẫn.

 Tuy là một nội dung khó song số thập phân là một nội dung rất quan trọng vì:

 + Số thập phân góp phần hoàn chỉnh tương đối hệ thống số ở bậc Tiểu học.

 + Số thập phân là công cụ để biểu diễn số đo đại lượng thông dụng và chính xác trong thực tiễn.

 + Số thập phân là công cụ để giải các bài toán có liên quan đến tỉ lệ phần trăm.

 + Việc học nội dung số thập phân giúp học sinh thấy được vai trò cũng như mối liên hệ khăng khít của toán học với thực tế cuộc sống. Từ đó hình thành ở các em lòng say mê toán học và niềm tin chân chính vào khoa học: Khoa học phục vụ cuộc sống.

**Như vậy,** xuyên suốt chương trình Toán 5, các nội dung dạy học đều liên quan đến số thập phân, từ mảng số và phép tính, đo lường đến các nội dung về hình học, giải toán,... đều gắn liền với số thập phân.Để các tiết học này đạt kết quả tốt, khai thác tối đa năng lực của từng đối tượng học sinh, phát triển tư duy, óc sáng tạo thì giáo viên không chỉ cung cấp cho các em các kiến thức cơ bản mà còn phải giúp các em biết chẩn đoán và khắc phục những lỗi sai thường gặp để tiết học hiệu quả hơn.

**3. Thực trạng của vấn đề:**

Từ thực tiễn dạy học lớp 5 của những năm trước và để thực hiện sáng kiến này tôi đã tiến hành điều tra học sinh học lớp 5 trong trường để tìm hiểu một số lỗi sai điển hình của học sinh khi học nội dung số thập phân. Qua điều tra tôi đã thống kê được các loại lỗi sai khá điển hình của học sinh khi học nội dung số thập phân như sau:

**3.1. Các lỗi sai khi học khái niệm số thập phân:**

***Nguyên nhân:***Chưa nắm vững về cấu tạo hàng của số thập phân, khái niệm hỗn số và số thập phân.

**3.1.1. Sai khi đổi số thập phân ra phân số thập phân và ngược lại.**

***Biểu hiện****:*

- Học sinh coi tử số của số thập phân chính là số thập phân, mẫu số có số chữ số bằng số chữ số của tử số.

*Ví dụ:*0,03 *=*$\frac{0,003}{100}$

- Học sinh viết tử số là số thập phân bỏ dấu phẩy, mẫu số có số chữ số bằng số chữ số số chữ của tử số.

*Ví dụ:*2,158 *=*$\frac{2158}{100}$

- Ở những hàng thập phân ghi chữ số 0 học sinh coi như không có giá trị.

*Ví dụ:*0,03 *=*$\frac{3}{10}$5, 006 *=*$\frac{56}{1000}$

- Đối với những số thập phân không có phần nguyên, học sinh coi phần thập phân là tử số, mẫu số có số chữ số bằng số chữ số của tử số:

*Ví dụ:*0,234 *=*$\frac{234}{100}$

- Coi tử số của phân số thập phân là phần thập phân của số thập phân:

 *Ví dụ:*$\frac{35}{1000}$ *=* 0,35

- Học sinh cho rằng có bao nhiêu chữ số 0 ở mẫu số của phân số thập phân thì có bấy nhiêu chữ số 0 ở phần thập phân của số thập phân.

*Ví dụ:*$\frac{3}{100 }$ *=* 0,03

- Tử số của phân số thập phân là phần nguyên của số thập phân, mẫu số của phân số thập phân là phần thập phân của số thập phân.

 *Ví dụ:*$\frac{3}{100 }$ *=* 3,100

**3.1.2. Sai khi đổi số thập phân ra hỗn số và ngược lại.**

***Biểu hiện:***

- Coi số nguyên của hỗn số là phần nguyên, tử số của phân số là phần thập phân: 5 $\frac{1}{100 }$ *=* 5,100 8 $\frac{2}{100 0}$ *=* 8,2

- Học sinh coi mẫu số ở phân số của hỗn số có bao nhiêu chữ số thì phần thập phân của số thập phân có bấy nhiêu chữ số:

12$\frac{105}{1000}$ *=* 12,0105 5 $\frac{15}{100 }$ *=* 5,015

- Học sinh coi phần nguyên của hỗn số có giá trị như tử số của phần phân số : 8 $\frac{2}{1000 }$ *=* 0,082

- Viết số thập phân có mẫu số: 8$\frac{3}{1000 }$ *=* $\frac{8,002}{1000 }$

 **3.1.3. Sai khi đổi hỗn số ra phân số thập phân và ngược lại**

***Biểu hiện:***

- Học sinh thường ghép phần nguyên và tử số ở phân số của hỗn số thành tử số của phân số thập phân. *Ví dụ:* 73$\frac{4}{100 }$ *=* $\frac{734}{100 }$

- Học sinh thường lấy phần nguyên nhân với tử số của phần phân số của hỗn số thành tử số của phân số thập phân:

 *Ví dụ:*  5$\frac{15}{100 }$ *=* $\frac{75}{100 }$

 **3.1.4. Sai khi đọc, viết, phân tích cấu tạo hàng của số thập phân.**

 ***Biểu hiện:***

- Khi viết học sinh thường bỏ qua các hàng không có giá trị.

 *Ví dụ: Năm đơn vị, tám phần trăm: 5,8*

 - Học sinh có biểu tượng sai về hàng của số thập phân:

+ Coi hàng của phần thập phân như hàng của số tự nhiên:

 *Ví dụ: Không đơn vị, năm phần nghìn: 0,5000*

+ Coi các hàng ở phần thập phân như phân số thập phân

- Nhầm định hướng:

 *Ví dụ: Chín đơn vị, năm phần nghìn: 9,500*

- Khi đọc, học sinh đọc số thập phân như đọc số tự nhiên ở cả phần nguyên và phần thập phân:

 *Ví dụ: Đọc số: 815,006: tám trăm mười lăm đơn vị phẩy sáu.*

- Khi phân tích cấu tạo hàng, học sinh không chú ý các hàng không có giá trị đồng thời thay thế giá trị của hàng đó bằng giá trị của hàng sau không liền kề với nó:

 *Ví dụ:Số 0,018 gồm: Không đơn vị, một phần mười, tám phần trăm.*

 **3.** **2. Sai khi so sánh, sắp thứ tự số thập phân.**

 ***Nguyên nhân:***Học sinh cho rằng so sánh số thập phân cũng giống như so sánh số tự nhiên nên học sinh đưa ra so sánh 2 số thập phân về so sánh 2 số tự nhiên ở cả phần nguyên và phần thập phân, không quan tâm đến hàng của phần thập phân. Do đó, học sinh thường hay sai khi so sánh số thập phân có phần nguyên giống nhau và phần thập phân có số chữ số khác nhau.

- Học sinh thường hiểu sai quy tắc viết thêm và xoá bỏ chữ số 0 ở tận cùng bên phải phần thập phân để tạo thành số thập phân bằng nhau.

 **3.2.1. Sai khi so sánh các số thập phân**

 ***Biểu hiện:***

 - Khi so sánh hai số thập phân học sinh thường bỏ dấu phẩy của số thập phân và so sánh như so sánh hai số tự nhiên.

 *Ví dụ: 45,72< 25,589 (vì 4572< 25589)*

 - Trong hai số thập phân có phần nguyên bằng nhau, số thập phân nào có phần thập phân hợp thành số nguyên lớn hơn thì lớn hơn.

 *Ví dụ: 32,506 > 32,6 ( Vì 506 >6 )*

 - Học sinh nhầm quy tắc so sánh hai số thập phân: so sánh phần thập phân rồi mới so sánh phần nguyên: *85,65 < 45,78*

Từ những lỗi sai khi so sánh 2 số thập phân trên đây, học sinh thường sắp xếp sai số thập phân.

**3.2.2. Sai khi áp dụng tính chất bằng nhau của số thập phân**

***Biểu hiện:***

- Coi những chữ số 0 tận cùng của số thập phân là những chữ số có giá trị.

 *Ví dụ: 0,52 < 0,520*

- Áp dụng tính chất bằng nhau của số thập phân với cả những trường hợp số thập phân có chữ số 0 không ở tận cùng bên phải của phần thập phân:

 *Ví dụ: 8,09 > 8,6 (Vì 9 > 6)*

 **3.3. Các lỗi sai khi viết số đo đại lượng dưới dạng số thập phân**

 ***Nguyên nhân****:*

 - Nội dung dạy học: "Viết số đo đại lượng dưới dạng số thập phân" không đơn thuần như một số nội dung khác mà có tính chất tích hợp khá nhiều nội dung trong chương trình Toán ở tiểu học: số học, đo đại lượng. Hơn nữa, nội dung dạy học đo đại lượng được dạy theo quan điểm vòng tròn đồng tâm từ lớp 1 đến lớp 5.

 Chính vì vậy, học sinh thường nắm không vững các quy tắc nhân chia nhầm với 10; 100; 1000…, nắm chưa chắc hệ cơ số, quan hệ giữa các đơn vị đo và tên đơn vị đo để có thể  đổi các số đo thích hợp theo một đơn vị đo cho trước.

 ***Biểu hiện:***

 **-** Nhầm lẫn mối quan hệ giữa các đơn vị đo trong cùng một đại lượng:

+ Chuyển đơn vị lớn sang đơn vị bé:

 *4,8 km= 48 m*

 *0,61 km= 6,1m*

+ Chuyển đổi từ đơn vị bé sang đơn vị lớn:

*Ví dụ: 9 dm= 0,09m ➝ học sinh cho rằng 1m= 100 dm*

+ Chuyển số đo từ đơn vị phức hợp sang đơn vị đơn, học sinh thường dùng dấu phẩy ngăn cách số đo giữa đơn vị này với đơn vị kia.

*Ví dụ: 2dm 8mm= 2,8 dm*

- Nhầm do định hướng phải trái sai:

*Ví dụ: 0,5 tấn = 0,05 tạ = 0,005 yến = 0,0005 kg*

 Cùng biểu hiện này học sinh sai có thể là do chưa nắm được một quy tắc quan trọng khi chuyển đổi đơn vị đo là: Đơn vị mới lớn hơn hoặc nhỏ hơn đơn vị đã cho bao nhiêu lần thì số đo đơn vị mới nhỏ hơn hoặc lớn hơn số đo đã cho bấy nhiêu lần.

 - Nhầm hệ cơ số giữa các đại lượng khác nhau: Học sinh nhầm hệ cơ số của đơn vị đo diện tích giống hệ cơ số đơn vị đo độ dài.

- Nhầm do chưa nắm vững khái niệm số thập phân vì vậy học sinh không viết được các số đo dưới dạng thập phân.

 **3.4. Các lỗi sai khi thực hiện phép tính**

  **3.4.1. Phép cộng và phép trừ**

 ***Nguyên nhân:***  Do học sinh chưa nắm vững khái niệm và cấu tạo hàng của số thập phân. Hơn nữa, trong quá trình học phép cộng, phép trừ số thập phân,học sinh không nắm vững quy tắc cộng, trừ nên nhầm lẫn và áp dụng máy móc quy tắc cộng, trừ 2 số tự nhiên khi cộng trừ 2 số thập phân.

 ***Biểu hiện:***

 - Trong trường hợp cộng, trừ số thập phân ở dạng "cộng, trừ 2 số thập phân có số chữ số ở phần nguyên và phần thập phân bằng nhau" thì học sinh ít sai sót. Nhưng các em hay mắc sai lầm khi thực hiện phép cộng hai số thập phân mà phần nguyên và phần thập phân có số chữ số không bằng nhau.

**Cụ thể:**

 ***a, Sai kĩ thuật đặt tính:***

- Khi cộng hoặc trừ hai số thập phân với nhau, học sinh đặt số nọ dưới số kia như cộng, trừ hai số tự nhiên (đặt chữ số tận cùng bên phải thẳng cột nhau) mà không để ý đến dấu phẩy:

 *Ví dụ: Đặt tính rồi tính*: 57,648 + 35,37

 0,16 + 0,994

 789,256 - 23,78

 *Học sinh đã đặt tính như sau:*

   

 - Cũng trong quá trình đặt tính của phép cộng, trừ 2 số thập học sinh đặt chữ số đầu tiên bên trái thẳng cột với nhau.

 Ví dụ: Đặt tính rồi tính: 34,82 + 9,75 (BT2 - 54 - SGK)

 789,256 - 23,78

 Học sinh đã làm như sau:

  

 - Khi cộng hoặc trừ số thập phân với số tự nhiên, học sinh lúng túng không biết đặt số tự nhiên thẳng với phần nguyên hay phần thập phân.

 Ví dụ: Đặt tính rồi tính: 128 + 25,830

 

 ***b, Xác định sai kết quả:***

- Sau khi thực hiện phép tính học sinh không xác định dấu phẩy ở kết quả vì cho rằng cộng hay trừ hai số thập phân giống như cộng, trừ hai số tự nhiên.

 *Ví dụ:*

   

- Học sinh thường đặt dấu phẩy ở kết quả thẳng với dấu phẩy của số hạng thứ nhất hoặc thứ hai (đối với phép cộng) và số trừ hay số bị trừ (đối với phép trừ).

 *Ví dụ:*

    

 - Học sinh xác định dấu phẩy ở kết quả giống như ở tích.

 *Ví dụ:*

  

***c, Không vận dụng được tính chất giao hoán và kết hợp trong phép cộng số thập phân.***

 - Học sinh còn lúng túng không biết cách tính nhanh phép cộng có nhiều số thập phân.

 *Ví dụ:*

|  |  |
| --- | --- |
| *4,68 + 6,03 + 3,97* *= 10,71 + 3,97**= 14, 68* | *4,2 + 3,5 + 4,5 + 6,8**= 7,7 + 11,3**= 19* |

***d, Sai kĩ thuật trừ có nhớ***

 - Khi thực hiện phép trừ một số tự nhiên cho một số thập phân, học sinh thường giữ nguyên phần thập phân của số trừ chỉ trừ số tự nhiên cho phần nguyên.

 *Ví dụ: (BT1 Trang 58 - SGK )*

 

 *-* Khi thực hiện phép trừ hai số thập phân mà hàng của số bị trừ khuyết chữ số tận cùng ở phần thập phân so với số trừ học sinh thường hạ các hàng thập phân của số trừ xuống hiệu:

 *Ví dụ: (BT1 Trang 58 - SGK )*

 

 **3.4.2. Phép nhân**

 ***\* Nguyên nhân:***

- Nhầm lẫn quy tắc xác định dấu phẩy ở tích với quy tắc xác định dấu phẩy của tổng hoặc hiệu.

 - Coi 2 thừa số trong phép nhân 2 số thập phân như phép nhân thông thường 2 số tự nhiên.

 - Chưa hiểu bản chất cấu tạo hàng và cách ghi số của hệ thập phân.

 ***\* Biểu hiện:***

 a, Xác định nhầm dấu phẩy ở tích

 - Nhiều học sinh quên đặt dấu phẩy ở tích

 *Ví dụ:*

 

 - Trong phép nhân hai số thập phân, học sinh thường đặt dấu phẩy ở tích thẳng với dấu phẩy của một trong hai thừa số.

 *Ví dụ:*(BT1 - 63 - SGK )

  

 - Học sinh xác định dấu phẩy ở tích bằng cách đếm ngược số chữ số từ trái sang phải.

 *Ví dụ:*

 

 b, Sai kĩ thuật tính

 - Học sinh nhầm định hướng khi nhân nhẩm một số thập phân với 10; 100; 100; ... và với 0,1; 0,01; 0,001.

 *Ví dụ:* 5,328 x 10 = 0, 5328

 235, 7 x 0,001 = 235700

 - Học sinh đặt nhầm vị trí của tích riêng:

 *Ví dụ:*

 

 **3.4. 3. Phép chia**

 ***\* Nguyên nhân:***

- Học sinh coi phép chia số thập phân giống như phép cộng, phép trừ, phép nhân tức là bỏ dấu phẩy để thực hiện phép tính như với hai số tự nhiên. Do vậy, học sinh không dịch chuyển dấu phẩy của số bị chia và không viết thêm chữ số 0 vào bên phải số bị chia dẫn đến xác định sai kết quả và sai số dư.

 ***\* Biểu hiện:***

 ***a, Quên đánh dấu phẩy vào thương***

 *Ví dụ:*

 52,8 4

 12 132

 0 8

 0

 BT1 (69) SGK (kết quả đúng là : 13,2)

 ***b, Không nắm được kĩ thuật chia***

 - Học sinh lúng túng không thực hiện được phép chia số thập phân có phần nguyên là 0 với số tự nhiên.

 *Ví dụ:* BT1 (69) SGK

 0,531 9

 - Học sinh nhầm lẫn quy tắc chia nhẩm cho 10; 100; 1000 và 0,1; 0,01; ...

 *Ví dụ:* 0,65 : 10 = 6,5 32 : 0,1 = 3,2

 - Khi chia số thập phân cho số thập phân, nhiều học sinh bỏ dấu phẩy của cả số chia và số bị chia mà không đếm số chữ số ở phần thập phân của số chia để dịch sang phải bằng số chữ số ở phần thập phân của số bị chia.

 *Ví dụ:* BT1 (76) SGK

 19,72 5,8

 232 34

 0 (Kết quả đúng : 3,4)

 ***c, Quên không thêm số 0 trong trường hợp cần thiết***

 - Khi chia một số tự nhiên cho một số thập phân học sinh chỉ gạch bỏ dấu phẩy của số chia mà không thêm chữ số 0 vào bên phải số bị chia.

*Ví dụ:* BT1 (74) SGK

 70 3,5

 0,2

 (thương đúng là :20)

 - Khi thực hiện phép chia số thập phân cho số thập phân, trường hợp số chữ số ở phần thập phân của số bị chia nhỏ hơn số chữ số ở phần thập phân của số chia, học sinh sau khi chia xoá dấu phẩy đã quên không ghi thêm số chữ số 0 cần thiết vào bên phải số bị chia.

 *Ví dụ:* BT1 (76) SGK

 8,1 0,45

 360 1,8

 00 (thương đúng là: 18)

- Bỏ sót chữ số 0 giữa số bị chia

 1,0,05 0,5

 0 05 2,1

 0 (thương đúng là:2,01)

- Không ghi số 0 ở thương trong trường hợp hạ từng chữ số của số bị chia mà không chia được cho số chia.

 *Ví dụ:*

 240,3,6 1,2

 003 6 20,3

 (thương đúng là: 200,3)

***d, Học sinh thường xác định sai số dư***

- Học sinh thường cho rằng phần nguyên còn lại của số bị chia (nhỏ hơn số chia) là số dư:

 *Ví dụ:*

 470,27 13

 80 36,17

 22

 97

 06

 Số dư là 6. Trong khi đó số dư đúng là 0,06

- Trong phép chia mà số bị chia phải dịch chuyển dấu phẩy khi học sinh xác định số dư thường gióng hàng theo vị trí mới của dấu phẩy (mà thực tế phải gióng theo vị trí cũ)

 0,38,71 0,36

 2 71 1,075

 190

 10 số dư là 0,01

 (thực ra số dư đúng là 0,0001)

*Trên đây* là một số lỗi sai thường gặp của học sinh khi học về chủ đề số thập phân. Từ thực trạng trên, tôi tiến hành nghiên cứu kết hợp tham khảo các tài liệu cùng sự góp ý của đồng nghiệp, tôi đã xây dựng một số bài tập trắc nghiệm khách quan theo từng phần kiến thức mà học sinh được học trong chủ đề số thập phân để áp dụng trong các tiết học toán.

 **4. Thiết kế một số bài tập trắc nghiệm khách quan nhằm khắc phục lỗi sai thường gặp của học sinh khi học chủ đề số thập phân.**

 **4.1. Sự cần thiết thiết kế hệ thống bài tập trắc nghiệm khách quan**

 Như chúng ta đã biết, chủ đề số thập phân được dạy trong chương trình lớp 5 là một nội dung khó và trừu tượng với học sinh. Do đó khi học tập nội dung này học sinh thường hay mắc sai lầm. Vậy làm thế nào để học sinh học nội dung này một cách hứng thú, hiệu quả và hạn chế nhầm lẫn, sai sót. Với những đặc tính của mình, dạng bài tập trắc nghiệm khách quan là giải pháp tối ưu cho vấn đề đặt ra.

 + Thứ nhất, dạng bài tập này ít xuất hiện trong sách giáo khoa và khi làm việc với nó học sinh được thay đổi cách thức hoạt động: kẻ, vẽ, nối nên học sinh rất hào hứng.

 + Thứ hai, ngay trong nội dung mỗi câu trắc nghiệm khách quan đã chứa đựng những kiến thức đúng, xen kẽ những kiến thức sai có chủ định mà nhiệm vụ của học sinh là phải tìm ra được đáp án đúng nhất cho mọi vấn đề được đặt ra. Trong sự đối chiếu so sánh giữa cái đúng và cái sai, học sinh sẽ lật lại vấn đề cảnh giác với những sai lầm có lợi hơn là chỉ trình bày theo một chiều đúng.

 Từ những điều trên, tôi thấy việc thiết kế một hệ thống bài tập trắc nghiệm khách quan nhằm khắc phục lỗi sai khi học chủ đề Số thập phân là một nhiệm vụ cần thiết.

 **4.2. Quan điểm cơ bản khi thiết kế bài tập trắc nghiệm khách quan**

 **4.2.1. Cách thiết kế bài tập trắc nghiệm khách quan nói chung**

 *a, Yêu cầu:*

 - Đảm bảo nội dung, nội dung phải phù hợp.

 - Đảm bảo tính vừa sức

 *b, Cách thiết kế:*

 \* Bước 1: Xác định mục tiêu và điều kiện của bài trắc nghiệm.

- Mục tiêu của bài trắc nghiệm là nhằm rèn luyện phần kiến thức nào? Sử dụng bài đó để làm gì?

- Điều kiện của bài trắc nghiệm là thời gian làm bài, hình thức làm bài.

 \* Bước 2: Xác định dạng trắc nghiệm khách quan.

 \* Bước 3: Lập các câu trắc nghiệm.

 **4.2.2. Cách thiết kế từng dạng bài tập trắc nghiệm khách quan**

**4.2.2.1. Dạng bài tập nhiều lựa chọn**

 ***a, Cách thiết kế:***

+ Bước 1: Xác định mục tiêu, điều kiện của bài.

+ Bước 2:

 - Đưa ra một tình huống

 - Đưa ra 4-5 hướng suy nghĩ trong đó chỉ có một hướng suy nghĩ đúng, các hướng suy nghĩ khác đều sai mà học sinh thường gặp.

 - Giải các tình huống theo hướng đã đưa ra và ghi lại kết quả.

+ Bước 3: Viết thành bài trắc nghiệm hoàn chỉnh.

 ***b, Ví dụ minh hoạ:***

 \* Ví dụ 1:

 ***Bước 1:***- Mục tiêu: Rèn luyện phần kiến thức về khái niệm số thập phân, sử dụng bài tập để ngăn ngừa lỗi sai khi viết số thập phân theo cấu tạo.

 - Điều kiện: Thờig gian làm bài 1 phút. Hình thức làm bài: cá nhân.

 ***Bước 2***: - Đưa ra một tình huống: Số thập phân năm trăm linh tám đơn vị một phần trăm viết là:

 - Các hướng suy nghĩ:

 + Viết đúng cấu tạo

 + Những hàng không có giá trị đều bỏ qua

 + Phần thập phân viết như giá trị số tự nhiên

 + Không nắm vững cấu tạo thập phân

 - Giải tình huống: + 508, 01

 + 508,1

 + 508,100

 + 508, 001

 ***Bước 3:*** Viết thành bài trắc nghiệm hoàn chỉnh

 Số thập phân năm trăm linh tám đơn vị, một phần trăm viết là:

|  |  |
| --- | --- |
| **A**. 501,01 | **B.** 508,1 |
| **C**. 508,100 | **D**. 508,001 |

\*Ví dụ 2:

 ***Bước 1:*** - Mục tiêu: Rèn luyện phần kiến thức về so sánh số thập phân, sử dụng bài tập để chẩn đoán và ngăn ngừa lỗi sai khi sử dụng tính chất bằng nhau của số thập phân.

 - Điều kiện: Thời gian: 1 phút, hình thức: cá nhân.

 ***Bước 2:*** - Tình huống: Viết số thập phân 58,060 dưới dạng thu gọn

 - Các hướng suy nghĩ:

+ Xoá bỏ chữ số 0 ở tận cùng bên phải phần thập phân.

+ Xoá bỏ chữ số 0 ngay sau dấu phẩy

+ Xoá bỏ tất cả các chữ số 0 trong số thập phân

+ Xoá bỏ cả dấu phẩy và tất cả chữ số 0

 - Giải các tình huống:

 + 58,06

 + 58,60

 + 58,6

 + 586

 ***Bước 3***: Viết câu trắc nghiệm hoàn chỉnh

 Viết số thập phân 58,060 dưới dạng thu gọn:

|  |  |
| --- | --- |
| A. 58,60 | B. 58,06 |
| C. 58,6 | D. 586 |

 \*Ví dụ 3:

 ***Bước 1:***

 - Mục tiêu: Rèn kiến thức về viết số đo đại lượng dưới dạng số thập phân, sử dụng bài tập nhằm ngăn ngừa lỗi sai khi chuyển đổi đơn vị đo.

 - Điều kiện: Thời gian 1 phút, hình thức cá nhân.

 ***Bước 2:***

- Tình huống: Viết số đo 789 mm2 dưới dạng số thập phân với đơn vị đo m2

- Các hướng suy nghĩ:

 + Chuyển đúng hệ cơ số

 + Nhầm hệ cơ số với đơn vị đo độ dài

 + Nhầm định hướng phải trái

 + Nhầm hệ cơ số và không nắm vững cấu tạo hàng

- Giải tình huống:

 + 0,000789 m2

 + 0,789 m2

 + 789 000 m2

 + 0, 0789 m2

 ***Bước 3:*** Đặt thành câu trắc nghiệm

 Viết số đo 789 mm2  dưới dạng số thập phân với đơn vị đo m2 :

 A. 0,000789 m2  B. 0,789 m2

 C. 789 000 m2  D. 0, 0789 m2

 **4.2.2.2. Bài tập trắc nghiệm nối cặp đôi**

 ***a, Cách thiết kế:***

 ***Bước 1:*** Xác định mục tiêu, điều kiện bài trắc nghiệm.

 ***Bước 2:*** Đưa ra 3,4 hoặc 5 tình huống thuộc một loại bài tập

 - Đưa ra một hướng suy nghĩ đúng tương ứng với mỗi tình huống.

 - Giải mỗi tình huống theo hướng suy nghĩ đã đưa ra và ghi lại kết quả.

 ***Bước 3:*** Viết thành bài trắc nghiệm hoàn chỉnh.

 ***b, Ví dụ minh hoạ:***

**\* Ví dụ 1:**

 ***Bước 1:***

- Mục tiêu: Rèn kiến thức về khái niệm số thập phân, sử dụng bài tập để chẩn đoán và ngăn ngừa lỗi sai khi chuyển số thập phân sang phân số thập phân.

 - Điều kiện: Thời gian 2 phút, hình thức: cá nhân

 ***Bước 2:***

- Đưa ra các tình huống: Các số thập phân: 3,005; 3,5; 3,05; 92,8; 9,28; 0,928.

- Hướng suy nghĩ đúng: bỏ dấu phẩy ở số thập phân ta được tử số của phân số thập phân, đếm xem phần thập phân của số thập phân có bao nhiêu chữ số thì mẫu số của phân số thập phân có bấy nhiêu chữ số 0.

 - Lời giải đúng: $\frac{3005}{1000}$ ; $\frac{35}{10}$ ; $\frac{305}{100}$ ; $\frac{928}{10}$; $\frac{928}{100}$ ; $\frac{928}{1000}$

***Bước 3:*** Viết bài trắc nghiệm:

 Nối các số thập phân ở cột A với các phân số thập phân tương ứng ở cột B.

 **A B**

$$\frac{305}{100}$$

3,5

$$\frac{35}{10}$$

3,005

$$\frac{928}{10}$$

3,05

$$\frac{928}{100}$$

92,8

$$\frac{3005}{1000}$$

9,28

$$\frac{928}{1000}$$

0,928

 **Ví dụ 2:**

***Bước 1***: - Mục tiêu: Rèn luyện kiến thức về so sánh số thập phân, sử dụng bài tập nhằm ngăn ngừa lỗi sai khi áp dụng tính chất bằng nhau của số thập phân.

 - Điều kiện: Thời gian: 2 phút, hình thức: cá nhân

***Bước 2***: - Đưa tình huống: các số thập phân: 305,5; 350,5; 305,05; 350,05

 - Hướng suy nghĩ:Thêm một hoặc nhiều chữ số 0 vào tận cùng bên phải số thập phân.

 - Giải tình huống:

 305,50; 305,500

 350,500; 350,50

 305,050

 350,050

***Bước 3:*** Viết thành bài tập trắc nghiệm hoàn chỉnh

 Nối các số thập phân bằng nhau ở hai cột (Mỗi số ở cột A có thể nối với nhiều số ở cột B)

 **A**  **B**

305,5

305,50

350,050

350,5

305,050

350,500

305,05

305,500

350,05

350,50

 **4.2.2.3 Bài tập trắc nghiệm điền khuyết**

***a, Cách thiết kế:***

***Bước 1:*** Xác định mục tiêu, điều kiện của bài trắc nghiệm

***Bước 2***: Đưa ra tình huống

 - Đưa ra hướng suy nghĩ đúng

 - Giải tình huống

***Bước 3:*** Viết thành bài trắc nghiệm hoàn chỉnh

\* Lưu ý: Với bài trắc nghiệm điền khuyết rèn trí nhớ về các khái niệm toán học, các quy tắc toán học thì chỉ cần làm theo bước 1 và bước 3.

***b, Ví dụ :***

 ***\* Ví dụ 1:***

*Bước 1*: - Mục tiêu: Rèn luyện phần kiến thức về khái niệm số thập phân, sử dụng bài tập nhằm khắc phục lỗi sai về câus tạo hàng của số thập phân.

 - Điều kiện: Thời gian: 2 phút, hình thức: cá nhân

*Bước 2:* Viết câu trắc nghiệm hoàn chỉnh.

 Điền từ thích hợp vào chỗ chấm để tạo thành những nhận định đúng:

 + Nếu dịch chuyển dấu phẩy của một số thập phân sang bên phải một chữ số ta được một số thập phân mới ......................... số thập phân đã cho.

 + Nếu dịch chuyển dấu phẩy của một số thập phân sang .................. ta được một số thập phân mới bằng $\frac{1}{100}$lần số thập phân đã cho.

 + Nếu dịch chuyển dấu phẩy của một số thập phân sang bên phải 3 chữ số ta được một số thập phân mới ........................ số thập phân đã cho.

 ***Ví dụ 2:***

*Bước 1:* - Mục tiêu: Rèn kiến thức về các phép tính với số thập phân.

 - Điều kiện: Thời gian: 2 phút, hình thức : cá nhân.

*Bước 2:* - Tình huống:

+ Đặt tính cộng, trừ hai số thập phân có số chữ số ở phần thập phân khác nhau.

 + Đặt tính cộng số tự nhiên và số thập phân.

 + Xác định vị trí dấu phẩy ở kết quả của phép tính

 - Hướng suy nghĩ đúng và giải quyết tình huống:

 + Đặt số nọ dưới số kia sao cho các chữ số ở cùng một hàng thẳng cột với nhau.

 + Đặt số tự nhiên thẳng với phần nguyên của số thập phân sao cho các chữ số hàng đơn vị thẳng với hàng đơn vị, hàng chục thẳng hàng chục,...

 + Vị trí dấu phẩy của kết quả thẳng cột với dấu phẩy của các thành phần trong phép tính.

*Bước 3:* Viết câu trắc nghiệm hoàn chỉnh

Điền từ thích hợp vào chỗ chấm để tạo thành các nhận định đúng:

 + Khi đặt tính trong phép cộng, phép trừ số thập phân ta đặt số nọ dưới số kia sao cho các chữ số ................ thẳng cột với nhau.

 + Dấu phẩy ở kết quả của phép cộng và phép trừ phải đặt thẳng cột với dấu phẩy của ................ trong phép tính.

 + Khi đặt tính cộng hoặc trừ số thập phân với số tự nhiên ta đặt số tự nhiên thẳng cột với ................. của số thập phân sao cho các chữ số hàng đơn vị thẳng cột với hàng đơn vị, hàng chục thẳng với hàng chục,...

**4.2.3.4. Trắc nghiệm đúng - sai**

 ***a, Cách thiết kế***

*Bước 1:* Xác định mục tiêu, điều kiện của bài trắc nghiệm

*Bước 2:* - Đưa ra một tình huống

 - Đưa ra hai hướng suy nghĩ trong đó một hướng suy nghĩ đúng, một hướng suy nghĩ sai mà học sinh thường gặp.

 - Giải tình huống theo hai hướng suy nghĩ đưa ra và ghi lại kết quả.

*Bước 3:* Viết thành bài trắc nghiệm hoàn chỉnh

 ***b, Ví dụ minh hoạ***

 ***Ví dụ 1***

*Bước 1:* Mục tiêu: Rèn luyện kiến thức về số thập phân, sử dụng bài tập nhằm khắc phục lỗi sai khi chuyển hỗn số sang số thập phân.

 Điều kiện: Thời gian 1 phút, hình thức: cá nhân

*Bước 2*: - Tình huống: chuyển hỗn số 9 sang số thập phân

 - Hướng suy nghĩ: + Phần nguyên của hỗn số là phần nguyên của số thập phân, tử số của phân số là phần thập phân của số thập phân.

 + Phần nguyên của hỗn số là phần nguyên của số thập phân, đếm xem mẫu số của phần phân số có bao nhiêu chữ số 0 thì phần thập phân của số thập phân có bấy nhiêu chữ số.

 - Giải tình huống:+ 9,1

 + 9,01

*Bước 3:* Viết bài trắc nghiệm hoàn chỉnh

 Đúng ghi Đ sai ghi S vào ô trống sau:

 Hỗn số 9 chuyển sang số thập phân là:

 9,1 9,01

***Ví dụ 2***

*Bước 1:* Mục tiêu: Rèn kiến thức về so sánh hai số thập phân, sử dụng bài tập để khắc phục lỗi sai khi áp dụng tính chắt bằng nhau của số thập phân.

 Điều kiện: Thời gian 1 phút, hình thức: cá nhân.

*Bước 2:* - Nếu tình huống: Số thập phân 0,4 có thể bằng số thập phận nào.

 - Hướng suy nghĩ:

 + Có thể thêm các chữ số 0 vào bên phải dấu phấy của số thập phân.

 + Có thể thêm các chữ số 0 vào bên phải phần thập phân của số thập phân.

 - Giải các tình huống: + 0,4 = 0,004

 + 0,4 = 0,400

*Bước 3:* Viết thành bài trắc nghiệm hoàn chỉnh

 Đúng ghi Đ, sai ghi S vào các ô trống trong mỗi câu sau đây:

 0,4 = 0,004 0,4 = 0,400

 ***Ví dụ 3***

***Bước 1:*** - Mục tiêu: Rèn luyện các kiến thức về các phép tính với số thập phân, sử dụng bài trắc nghiệm nhằm khắc phục lỗi sai khi đặt tính trong phép chia.

 - Điều kiện: Thời gian: 1 phút, hình thức: cá nhân.

***Bước 2:*** - Tình huống: Đặt tính : 752 : 3,5

 - Hướng suy nghĩ: + Xoá bỏ dấu phẩy ở số chia, viết thêm chữ số 0 vào bên phải số bị chia.

 + Xoá bỏ dấu phẩy ở số chia.

 - Giải tình huống: 7520

 ***Ví dụ 4:***

***Bước 1****:* Mục tiêu: Rèn luyện kiến thức về viết số đo đại lượng dưới dạng số thập phân, sử dụng bài tập nhằm chẩn đoán và ngăn ngừa lỗi sai khi so sánh các số đo đại lượng.

 Điều kiện: Thời gian: 30 giây, hình thức: cá nhân

***Bước 2***: Nêu tình huống: So sánh hai số đo 896dag và 896dam

 Hướng suy nghĩ và cách giải: + 896dag = 896dam ( Vì cho rằng đơn vị đo dag và dam là như nhau)

 + 896dag # 896dam ( Vì cho rằng đây là hai đơn vị thuộc hai đại lượng khác nhau)

***Bước 3:*** Viết thành câu trắc nghiệm hoàn chỉnh

 Đúng ghi Đ sai ghi S vào ô trống trong mỗi câu sau

 896dag = 896dam

 **5. Giới thiệu một số bài tập được thiết kế:**

 **5.1. Hệ thống bài tập nhằm chẩn đoán và khắc phục lỗi sai khi học khái niệm số thập phân**

 **Dạng 1. Bài tập trắc nghiệm điền khuyết**

**Bài 1.** Điền từ thích hợp vào chỗchấm trong các câu dưới đây để tạo thành những nhận định đúng:

1. Khi đổi chỗ số thập phân ra phân số thập phân ta làm các bước sau:

 + Bỏ dấu phẩy của số thập phân ta được ................ của phân số thập phân.

 + Đếm xem phần thập phân của số thập phân có bao nhiêu chữ số thì mẫu số của phân số thập phân có bấy nhiêu ................

2. Khi đổi phân số thập phân sang số thập phân ta làm các bước sau:

 + Đếm xem mẫu số của phân số thập phân có bao nhiêu ................ thì phần thập phân của số thập phân có bấy nhiêu chữ số.

 + Bỏ mẫu số của phân số thập phân.

 + dùng dấu phẩy tách tử số của phân số sao cho số chữ số ở phần thập phân bằng số ............ ở mẫu số của ................

3. Khi đổi hỗn số sang phân số thập phân, ta làm các bước sau:

 + Lấy phần nguyên nhân với mẫu số rồi cộng với tử số của phần phân số ta được .................. của phân số thập phân.

 + Mẫu số của phân số bằng mẫu số của phân số thập phân.

4. Khi đổi phân số thập phân sang hỗn số ta làm như sau:

 + Phần nguyên của hỗn số chính là ................ của tử số và mẫu số của phân số thập phân.

 + Tử số của phần phân số kèm theo chính là ................ của phép chia tử số và mẫu số của phân số thập phân.

 + Mẫu số của phân số chính là mẫu số của phân số thập phân.

5. Khi đổi hỗn số sang số thập phân ta làm như sau:

 + Phần nguyên của hỗn số chính là ................ của số thập phân.

 + Mẫu số ở phần phân số có bao nhiêu chữ số 0 thì ................của số thập phân có bấy nhiêu chữ số.

6. Phân số có thể viết dưới dạng phân số thập phân là phân số mà mẫu chỉ là tích của ..............hoặc...............

7. Số thập phân gồm ..................và .................. hai phần này được ngăn cách nhau bởi dấu phẩy.

8. Hỗn số gồm ....................và..............................

9. Phân số thập phân là phân số có .................là 10;100;1000...

10. Trong một hỗn phân số kèm theo phần nguyên phải là phân số ....................

11. Nếu chuyển dấu phẩy của một số thập phân sang .............................ta được một số thập phân mới ................................số thập phân đã cho.

12. Nếu chuyển dấu phẩy của một số thập phân sang ..................................ta được một số thập phân mới bằng $\frac{1}{100}$ lần số thập phân đã cho.

13. Nếu chuyển dấu phẩy của một số thập phân sang ..................................ta được một số thập phân mới gấp 1000 lần số thập phân đã cho.

14. Trong số thập phân, phần nguyên gồm có: ..........,.................,................,... Phần thập phân gồm có ..........,.................,................,... Mỗi đơn vị của 1 hàng bằng 10 đơn vị của hàng thấp hơn liền sau. Hay mỗi đơn vị của một hàng bằng$\frac{1}{10}$ đơn vị của hàng cao hơn liền trước.

**Bài 2:**Viết số thập phân theo cách đọc rồi điền từ thích hợp vào chỗ chấm để nêu cấu tạo hàng của số đó:

1. Số một phẩy không tám viết là: ..........

Số này có 1............,8..............

2. Số không phẩy không trăm linh năm viết là: .............

Số này có 0 .........., 5 ....................

3. Số tám mươi sáu phẩy bảy trăm linh ba viết là: .............

Số này có 86..................., 7 ................., 3.................

4. Số năm trăm mười hai phẩy bốn trăm ba mươi hai viết là: ...............

Số này có 512..................,4............,3................2...................

5. Số không phẩy không trăm mười lăm viết là: ..................

Số này có 0 ............., 1..............5.................

**Bài 3:** Viết số thích hợp vào chỗ chấm để nêu cấu tạo hàng của các số thập phân dưới đây:

+ 0,258 =$\frac{…}{10}$ + $\frac{…}{1000}$ + $\frac{…}{1000}$

+ 0,479 = $\frac{4}{…}$ + $\frac{7}{…}$ + $\frac{9}{…}$

+ 5,603 = ... + $\frac{6}{…}$ + $\frac{3}{…}$

+ 0,009 = $\frac{9}{…}$

+ 0,08 = $\frac{8}{…}$

**Bài 4:** Điền số thích hợp vào chỗ trống:

a, Hãy dịch chuyển dấu phẩy trong các số thập phân sau để mỗi số thập phân có phần nguyên có 3 chữ số:

0,7895 ............... 1,529 ..............

0,87006 ................ 0,02867 ..............

12,897 ................ 0,80294 ..............

b, Hãy thêm dấu phẩy vào các số sau để có số thập phân với phần thập phân có 3 chữ số:

82530 ................ 10001 ..............

2013 ................ 1 ..............

12 ................ 101 ..............

**Bài 5.** Điền số thích hợp vào bảng sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hỗn số | Phân số thập phân | Số thập phân |
| 25$\frac{6}{100}$ |  |  |
|  | $$\frac{126}{10}$$ |  |
|  |  | 49,08 |

**Bài 6.** Điền số hoặc chữ thích hợp vào bảng sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Viết | Đọc | Cấu tạo |
| Phần nguyên | , | Phần thập phân |
| Hàng trăm | Hàng chục | Hàng đơn vị |  | Hàng phần mười | Hàng phần trăm | Hàng phần nghìn |
|  | Hai trăm mười bảy đơn vị năm phần mười bốn phần nghìn. |  |  |  |  |  |  |  |
| 108,056 |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  | 0 |  | 1 | 0 | 5 |
|  | Hai mươi tám đơn vị năm phần nghìn |  |  |  |  |  |  |  |
| 154,06 |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  | 0 |  | 0 | 0 | 9 |

 **Dạng 2: Bài tập tắc nghiệm nối cặp đôi.**

$$\frac{305}{100}$$

1,

3,5

$$\frac{35}{10}$$

3,005

$$\frac{928}{10}$$

3,05

$$\frac{928}{100}$$

92,8

$$\frac{3005}{1000}$$

9,28

$$\frac{928}{1000}$$

0,928

2,

$$3\frac{5}{100}$$

3,5

$$15\frac{105}{100}$$

3,005

15,1

$$3\frac{5}{10}$$

15,15

$$3\frac{5}{1000}$$

15,105

$$15\frac{15}{100}$$

3,05

$$15\frac{1}{10}$$

 **Dạng 3. Bài tập trắc nghiệm có nhiều lựa chọn**

**Bài 1.** Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng trong các câu dưới đây:

1. Số năm trăm linh tím đơn vị, một phần trăm viết là:

 A. 508,1 B. 508,001 C. 508,100 D. 508,01

2. Số không đơn vị năm phần nghìn viết là:

 A. 0,5 B. 0,05 C.0.005 D.0.5000

3. Số thập phân năm đơn vị, một phần mười, năm phần nghìn viết là:

 A. 5,15 B. 5,105000 C. 5,105 D. 5,500010

4. Số thập phần không đơn vị một phần mười sáu phần trăm chín phần nghìn viết là:

 A. 0,169 B. 0,1060009 C.0,000169 D. 0,961

5. Chuyển phân số thập phân $\frac{125}{100}$ sang số thập phân là:

 A. 0,125 B 1,25 C. 0,00125 D. 0,0152

6. Chuyển phân số thập phân $\frac{15}{1000}$ sang số thập phân là:

 A. 0,00015 B. 0,15 C.0,0015 D. 0,015

7. Chuyển phân số thập phân $\frac{5}{10}$ sang số thập phân là:

 A. 0,05 B. 0,5 C. 5,10 D.0,105

8. Chuyển hỗn số 8$\frac{5}{100}$ sang số thập phân là:

 A.0,85 B. 8,5 C. 8,05 D. 8,005

9. Chuyển số thập phân 3,02 sang hỗn số là:

 A. 3$\frac{2}{10}$ B. 3$\frac{2}{100}$ C. 3$\frac{2}{1000}$ D. 3$\frac{02}{100}$

10. Chuyển số thập phân 1,005 sang hỗn số là:

 A. $\frac{5}{1000}$ B. 1$\frac{5}{10}$ C. 1$\frac{005}{100}$ D. 1$\frac{5}{1000}$

11. Chuyển số thập phân 0,052 sang phân số thập phân là:

 A. $\frac{52}{100}$ B. $\frac{52}{1000}$ C. $\frac{0052}{1000}$ D. $\frac{0,052}{1000}$

12. Chuyển số thập phân 12,025 sang phân số thập phân là:

 A. $\frac{12025}{1000}$ B. $\frac{1225}{100}$ C. $\frac{12}{25}$ D. $\frac{12025}{100}$

13. Số thập phân lớn gấp 10 lần số 305,75 là:

 A. 35,75 B. 3,0575 C. 3057,5 D. 305,76

14. Số thập phân bằng $\frac{1}{100}$ số 785,506 là:

 A. 78550,6 B. 7,8506 C. 785,00506 D.785,506000 15. Số thập phân 50,108 đọc theo cấu tạo là:

 A: Năm mươi đơn vị, một trăm linh tám.

 B: Năm mươi đơn vị, một phần nghìn, tám phần mười.

 C: Năm mươi đơn vị, một phần mười, tám phần nghìn.

 D: Năm mươi đơn vị, mười tám phần nghìn.

16. Số thập phân 0,025 đọc là:

 A. Không đơn vị, hai mươi lăm.

 B. Không đơn vị, hai phần trăm, năm phần nghìn.

 C. Không đơn vị, hai phần mười, năm phần trăm.

 D. Không đơn vị, hai phần trăm, năm phần mười.

17. Trong các phân số sau phân số nào là phân số thập phân:

 A.$\frac{5}{10}$ B.$\frac{9}{2}$ C. $\frac{50}{200}$ D. $\frac{5}{9}$

18. Trong các phân số sau, phân số nào được viết dưới dạng phân số thập

phân:

 A. $\frac{5}{6}$ B.$\frac{7}{15}$ C. $\frac{19}{30}$ D. $\frac{11}{20}$

**Bài 2.** Khoanh vào chữ cái đứng trước giá trị đúng của chữ số 5 trong mỗi số sau đây:

1. Số 506,208

A. 50 B. 5 C. 500 D. $\frac{5}{1000}$

2. Số 750,328

A. 5 B. 50 C. $\frac{5}{10}$ D. $\frac{5}{100}$

3. Số 105,789

A. 5 B. 5000 C. $\frac{5}{1000}$ D. 50

4. Số 180,05

A. 5 B. 50 C. $\frac{5}{10}$ D. $\frac{5}{100}$

5. Số 234,005

A.5 B. $\frac{5}{100}$ C. $\frac{5}{1000}$ D. 500

6. Số 68,503

A. 500 B. $\frac{5}{10}$ C. $\frac{5}{100}$ D. 50

 **Dạng 4. Bài tập trắc nghiệm đúng sai**

Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống sau mỗi câu sau đây:

 1. Số 3$\frac{5}{100}$ là:

a, Phân số thập phân.

b, Hỗn số.

 2. Số $\frac{108}{10}$ là:

a, Phân số thập phân.

b, Hỗn số.

 3. Phân số $\frac{150}{8}$ là phân số:

a, Có thể được viết dưới dạng phân số thập phân.

b, Không thể viết được dưới dạng phân số thập phân.

 4. Số thập phân $\frac{105}{1000}$:

a, Có thể chuyển thành hỗn số.

b, Không thể chuyển thành hỗn số.

5. Phân số thập phân $\frac{105}{1000}$ chuyển sang số thập phân là:

a, 0,105

b, 0,0105

6.Số thập phân gồm 2 đơn vị 5 phần mười 9 phần nghìn viết là:

a, 2,509

b, 2,$\frac{5}{10}\frac{9}{1000}$

 **5.2. Hệ thống bài tập nhằm khắc phục lỗi sai khi so sánh và sắp thứ tự của số thập phân**

**Dạng 1. Bài tập trắc nghiệm điền khuyết**

**Bài 1.** Điền từ thích hợp vào chỗ chấm để tạo thành các nhận định đúng:

1**.** Nếu viết thêm chữ số 0 vào ………………….. phần thập phân của một số thập phân thì ta được một số thập phân bằng nó.

2. Nếu một số thập phân có chữ số 0 ở tận cùng bên phải phần thập phân thì khi …………………, ta được một số thập phân bằng nó.

3. Trong 2 số thập phân có phần nguyên khác nhau, số thập phân nào có……………………… thì lớn hơn.

4. Hai số thập phân bằng nhau khi ……………………..và……………………. bằng nhau.

5. Khi so sánh hai số thập phân có phần nguyên bằng nhau ta so sánh lần lượt các hàng ………………….,…………………..,……………….., đến cùng một hàng nào đó mà số thập phân nào có hàng tương ứng lớn hơn thì lớn hơn.

**Bài 2.**

a, Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm:

370,05 …………… 370,5

307,5 …………… 307,50

52,895 ………… 32,895

172,562 ………….. 127,321

b, Điền chữ số thích hợp vào chỗ chấm:

27,…53 > 27,053

Các chữ số có thể điền vào chỗ chấm là:……………………………………..

27,….53 < 27,153

Các chữ số có thể điền vào chỗ chấm là:……………………………………..

27,…53 > 27,953

Các chữ số có thể điền vào chỗ chấm là:……………………………………..

27,…53 = 27,53

Các chữ số có thể điền vào chỗ chấm là:……………………………………..

**Bài 3.** Viết thêm chữ số 0 vào bên phải phần thập phân của các số sau để phần thập phân của chúng có số chữ số bằng nhau:

a, 258,6 = ………. 289,06 = ………… 735,956 =…………..

b, 0,005 = ………. 7,69 =………… 0,9 =…………

 **Dạng 2. Bài tập trắc nghiệm nối cặp đôi**

**Bài 1.** Nối các số thập phân bằng nhau ở mỗi cột:

(mỗi phần tử ở cột A có thể nối nhiều hơn 1 phần tử ở cột B)

 **A B**

350,50

305,5

305,050

350,5

350,050

350,500

305,05

305,500

305,50

350,05

 **Dạng 3. Bài tập trắc nghiệm có nhiều lựa chọn**

Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Bài 1. Viết các số thập phân sau dưới dạng thu gọn nhất:

1. Số thập phân 58,060

A.58,60 B. 58,06 C. 58,6 D. 586

2. Số thập phân 780,560

1. 780,56 B. 78,560 C. 78,56 D.7856

3. Số thập phân 809,260

1. 89,260 B.89,26 C. 809,26 D. 8926

4. Số thập phân 25,6060

1. 25,606 B. 25,66 C. 25,660 D. 2566

5. Số thập phân 0,00500

1. 0,0500 B. 0,500 C. 0,005 D. 0,0050

6. Số thập phân 0,009

1. 0,09 B. 0,090 C. 0,9 D. 0,09

7. Số thập phân 390,0050

1. 390,005 B. 39,5 C. 390,50 D. 29,005

**Bài 2:**

1. Khi viết thêm chữ số 0 vào bên phải phần thập phân của số thập phân để được một số thập phân mới bằng số thập phân đã cho ta có thể viết:

A. 1 chữ số 0

B. 2 chữ số 0

C. 3 chữ số 0

D. 1 hay nhiều chữ số 0

2.Khi xóa chữ số 0 của số thập phân để được một số thập phân mới bằng số thập phân đã cho ta có thể:

A. Xóa các chữ số 0 ở phần nguyên

B. Xóa các chữ số 0 ở phần thập phân

C. Xóa các chữ số 0 ở tận cùng bên phải phần thập phân

D. Xóa chữ số 0 ở bên phải dấu phẩy

**Dạng 4. Bài tập trắc nghiệm đúng – sai**

 Điền Đ hoặc S vào ô trống sau mỗi câu dưới đây:

**Bài 1.** So sánh các số sau:

|  |  |
| --- | --- |
| a, 0,4 = 0,004 | b, 100,0100 = 100,01 |
| c, 0,5 = 0,500 | d, 104,208 = 14,28 |
| e, 258,86 < 258,90 | g, 9,06 > 9,8 |

 h, 392,25 < 392,3

**Bài 2.** Các dãy số sau được xếp theo thứ tự từ bé đến lớn:

a, 5,247; 5,427; 6,8; 7,96; 8,01

b, 0,4; 0,09; 0,19; 0,21; 0,185

c, 4,02; 4,1; 4,117; 4,34; 4,4

d, 25,08; 25,12; 25,3; 25,567; 25,9

**Bài 3:** 1.Khi so sánh hai số thập phân có phần nguyên bằng nhau, số thập phân nào có phần thập phân có nhiều chữ số hơn thì lớn hơn.

2**.**Khi so sánh hai số thập phân có phần nguyên không giống nhau, số thập phân nào có phần nguyên có nhiều chữ số hơn thì lớn hơn.

3. Trong số thập phân ta có thể bỏ tất cả các chữ số 0 của số đó mà không làm thay đổi giá trị của số đó.

4.Trong số thập phân khi xóa bỏ chữ số 0 ở tận cùng bên trái của phần thập phân thì ta được một số thập phân mới bằng số thập phân đã cho.

5. Khi so sánh hai số thập phân ta so sánh phần thập phân trước rồi mới so sánh phần nguyên.

6.Hai số thập phân có số chữ số bằng nhau thì bằng nhau.

7.Trong số thập phân khi xóa bỏ các chữ số 0 ở tận cùng bên phải của phần thập phân ta được một số thập phân mới bằng số số thập phân đã cho.

 **5.3. Hệ thống bài tập nhằm khắc phục lỗi sai khi viết số đo đại lượng dưới dạng số thập phân.**

**Dạng 1. Bài tập trắc nghiệm điền khuyết**

**Bài 1.** Điền từ thích hợp vào chỗ chấm để tạo thành các nhận định đúng:

1.Mỗi đơn vị đo khối lượng đều gấp 10 lần đơn vị………….......... và ………………… đơn vị lớn hơn liền nó.

2. Mỗi đơn vị đo……………….. đều gấp 100 lần đơn vị bé hơn liền nó và kém $\frac{1}{100}$lần đơn vị lớn hơn liền nó.

3.Mỗi đơn vị đo độ dài đều………………… đơn vị bé hơn liền nó và kém ……………………….. đơn vị lớn hơn liền nó.

4. Khi chuyển đổi đơn vị đo, đơn vị mới lớn hơn hoặc nhỏ hơn đơn vị đã cho bao nhiêu lần thì số đo mới………..hoặc ………… số đo đã cho bấy nhiêu lần.

5. Khi chuyển từ đơn vị lớn sang đơn vị bé ta chỉ việc lấy số đo đã cho …………………….. với hệ số giữa hai đơn vị đo.

6. Khi chuyển từ ……………. sang…………….. ta chỉ việc lấy số đo đã cho chia nhẩm với hệ số giữa hai đơn vị đo.

**Bài 2.** Điền đơn vị đo thích hợp vào bảng theo trật tự từ lớn đến bé:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| km | ………… | dam | …………. | dm | ……….. | mm |
| ………. | tạ | ………… | kg | ……….. | ……….. | g |
| $$km^{2}$$ | ……….. | ………… | $$m^{2}$$ | $$dm^{2}$$ | ……….. | $$mm^{2}$$ |

 **Dạng 2. Bài tập trắc nghiệm nối cặp đôi**

Nối tên đơn vị đo với kí hiệu sao cho phù hợp:

**Bài 1: A B**

$$km^{2}$$

hah

hh

$$hm^{2}$$

$$cm^{2}$$

$$mm^{2}$$

$$dam^{2}$$

$$dm^{2}$$

$$m^{2}$$

Xăng-ti-mét vuông

Đề-ca-mét vuông

Mét vuông

Mi-li-mét vuông

Đề-xi-mét vuông

Héc-tô-mét vuông

Ki-lô-mét vuông

**Bài 2**

|  |  |
| --- | --- |
| AĐề-ca-gam | Bdm |

hm

Héc-tô-gam

dam

Héc-tô-mét

hg

Đề-ca-mét

dag

Đề-xi-mét

 **Dạng 3. Bài tập trắc nghiệm nhiều lựa chọn**

 Chọn đáp án đúng cho mỗi câu sau:

**Bài 1.** Viết các số đo sau dưới dạng số đo theo đơn vị mét:

1. 5 mm
2. 0,005 m B.0,5 m C. 5000m
3. 25 cm
4. 2,5 m B. 0,25 m C. 250 m
5. 785 dm
6. 78,5 m B.7850 m C.780,5 m
7. 0,25 dam
8. 250 m B. 25 m C. 2,5 m
9. 75 hm
10. 7500 m B. 750 m C. 0,75 m
11. 9,5 km
12. 95 m B.9500 m C. 0,0095 m

**Bài 2.** Viết các số đo sau dưới dạng số đo theo đơn vị đo kilôgam:

1. 892 g
2. 0,892 kg B. 8,92 kg C.8920 kg D. 89,2 kg
3. 30 dag
4. 300 kg B. 0,3 kg C. 3 kg D. 0,03 hg
5. 5000 hg
6. 50 kg B. 50000 kg C. 500 kg D. 5 kg
7. 6,9 yến
8. 690 kg B. 0,69 kg C. 0,069 kg D. 69 kg
9. 708 tạ
10. 7,08 kg B.70800 kg C. 780 kg D.7800 kg
11. 0,08 tấn
12. 80 kg B. 8 kg C.0,008 kg D. 0,8 kg

**Bài 3.** Viết các số đo sau dưới dạng số đo theo đơn vị đo mét vuông:

1. 789 $mm^{2}$
2. 0,789 $m^{2}$ B. 0,000789 $m^{2}$ C. 789000$m^{2}$ D. 0,0789$ m^{2}$
3. 5082 $cm^{2}$
4. 0,5082$m^{2}$ B. 50,82 $m^{2}$ C. 5,82 $m^{2}$ D. 0,0582 $m^{2}$
5. 55$ dm^{2}$
6. 0,55 $m^{2}$ B. 5,5 $m^{2}$ C. 5500 $m^{2}$ D. 0,0055 $m^{2}$
7. 0,7$ a$
8. 0,07 $m^{2}$ B. 7 $m^{2}$ C. 70 $m^{2}$ D. 0,0007 $m^{2}$
9. 0,382 ha
10. 3820 $m^{2}$ B. 38,2 $m^{2}$ C.0,0382 $m^{2}$ D. 382 $m^{2}$
11. 3,002$km^{2}$
12. 3002 $m^{2}$ B.3002000 $m^{2}$ C.32000 $m^{2}$ D. 3200000 $m^{2}$

**Dạng 4. Bài tập trắc nghiệm đúng sai**

Đúng ghi Đ sai ghi S vào ô trống trong mỗi câu sau:

**Bài 1**

|  |  |
| --- | --- |
| a, 35 a = 35 da$m^{2}$ | b, 5,75 da$m^{2}$ = 57500 d$m^{2}$ |
| c, 829 da$m^{2}$ = 829 d$m^{2}$ | d, 26,9 ha = 0,269 k$m^{2}$ |
| e, 3,56 ha < 3,56 h$m^{2}$ | g, 528 d$m^{2}$> 528 dm |
| h, 254 a < 245 ha | i, 0,95 k$m^{2}$ = 0,95 h$m^{2}$ |

**Bài 2**

|  |  |
| --- | --- |
| a, 896 dag = 896 dam | b, 234 g = 2,34 dag |
| c,13,5 hg = 1350 g | d, 0,82 tạ = 8200 dag |
| e,7482 g > 7482 hg | g, 7,2 yến = 720 hg |

**5.4. Hệ thống bài tập nhằm khắc phục lỗi sai khi học các phép tính trên số thập phân**

 **a, Phép cộng, phép trừ**

 **Dạng 1. Bài tập trắc nghiệm điền khuyết**

**Bài 1.** Điền từ thích hợp để tạo ra các nhận định đúng:

1.Khi đặt tính trong phép cộng và phép trừ ta đặt số nọ dưới số kia sao cho các chữ số …………………….. thẳng cột với nhau.

2. Dấu phẩy ở kết quả của phép cộng và phép trừ phải đặt thẳng cột với các ………………………. trong phép tính.

3. Khi cộng số thập phân với số tự nhiên ta đặt số tự nhiên thẳng cột với ……………………….. của số thập phân.

4. Phép cộng số thập phân có các tính chất:………………….. và …………….

5. Khi đỏi chỗ hai số thập phân trong phép cộng thì……………………………

6. Muốn cộng một tổng hai số thập phân với số thứ ba, ta có thể cộng số thứ nhất với ………………………………

**Bài 2.** Điền chữ hoặc số thích hợp vào chỗ chấm

 a + b =……………. + a

 (a +b) + c = a + (b + c)

 a + 0 = …………. + a =………

 **Dạng 2. Bài tập trắc nghiệm nối cặp đôi**

Nối các phép tính ở cột A với kết quả ở cột B cho phù hợp:

**Bài 1**

26,15

25,98 + 17

42,98

26,05

413,240

4132,40

422,078

25,98 + 0,17

412,258 + 9,82

**Bài 2**

724,7

723,3

65,86

65,96

181,056

181,064

259,75 – 78,694

85,75 – 19,89

783 – 59.7

 **Dạng 3. Bài tập trắc nghiệm có nhiều lựa chọn**

 Khoanh vào chữ cái trước kết quả đúng của mỗi phép tính sau:

1. Phép tính 125,6 + 258,97
2. 384,57 B. 38,457 C. 2715,3 D. 271,53
3. Phép tính 78,756 + 4,5
4. 12,3756 B. 123,756 C. 83,256 D. 8,3256
5. Phép tính 356,495 + 19
6. 356,685 B. 375,495 C. 356,514 D. 546,495
7. Phép tính 996 – 89,45
8. 907,45 B. 19,25 C. 90655 D. 906,55
9. Phép tính 405,286 – 127
10. 405,159 B. 278,286 C. 278286 D. 405159

**Dạng 4. Bài tập trắc nghiệm đúng sai**

**Bài 1.** Đúng ghi Đ sai ghi S dưới mỗi cách đặt tính sau:

 1.  2. 

 3.  4. 

5.  6. 

 7.  8. 

 9.  10. 

**Bài 2.** Đúng ghi Đ sai ghi S vào cách thực hiện các phép tính sau:

 1.  2. 

 3.  4. 

 5.  6. 

 7. 

**Bài 3.** Đúng ghi Đ sai ghi S vào mỗi nhận định sau:

1. Khi một số tự nhiên cộng hay trừ một số thập phân ta được kết quả là số thập phân.

2. Đặt tính trong phép cộng trừ số thập phân giống nhau như đặt tính trong phép cộng trừ số tự nhiên (các chữ số tận cùng bên phải thẳng cột với nhau.

3. Khi đặt tính trong phép cộng, phép trừ số thập phân ta đặt các chữ tận cùng bên trái thẳng cột với nhau.

4. Khi đặt tính trong phép cộng, phép trừ số thập phân ta đặt số nọ dưới số kia sao cho các dấu phẩy thẳng hàng với nhau.

5. Dấu phẩy ở kết quả của phép cộng hai số thập phân thẳng với dấu phẩy của số hạng thứ hai.

6. Dấu phẩy ở kết quả của phép cộng hai số thập phân thẳng với dấu phẩy của số hạng thứ nhất.

7. Dấu phẩy ở kết quả của phép trừ hai số thập phân thẳng với dấu phẩy của số bị trừ.

8. Dấu phẩy ở kết quả của phép cộng và phép trừ hai số thập phân thẳng với dấu phẩy của các thành phần trong phép tính.

 **b, Phép nhân**

**Dạng 1. Bài tập trắc nghiệm điền khuyết**

**Bài 1.** Điền từ thích hợp vào chỗ chấm để tạo thành các nhận định đúng:

1. Muốn nhân một số thập phân với 0,1; 0,01; 0,001… ta chỉ việc chuyển dấu phẩy của số đó ………………………. một, hai, ba … chữ số.

2. Muốn nhân một số thập phân với 10, 100, 1000,… ta chỉ việc chuyển dấu phẩy của số đó ……………………. một, hai, ba …. chữ số.

3. Khi đổi chỗ các thừa số của một tích thì tích đó ………………………….

4. Muốn nhân một tích hai số thập phân với số thứ ba ta có thể nhân số thứ nhất với……………………………………

5. Số chữ số ở phần thập phân của tích bằng ……………………… ở phần thập phân của hai thừa số trong phép nhân hai số thập phân.

**Bài 2.** Điền chữ hoặc số thích hợp vào chỗ chấm:

 a × b = ………..× a

 (a × b) × c = a × (………… × c)

 (a + b) ×c = ………….. × c + …………….. × c

 1 ×……………….= a × 1 = ……………………….

 0 × ………………= a × 0 = ………………………

**Bài 3.** Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

|  |  |
| --- | --- |
| 1. 2,58 ×………… = 25,8 | 2. 659,45 × ……….. = 65,945 |
| 3. ………… × 100 = 752,2 | 4. 0,592 × 100 = …………… |
| 5. 528,45 × ……….= 5,2845 | 6. 0,565 × ……….= 565 |
| 7. ………× 0,01 = 0,005 | 8. 0,009 × …………= 0,9 |
| 9. 656,5 × ……… = 0,6565 | 10. ……….× 100 = 0,52 |

**Bài 4.** Điền dấu thích hợp vào ô trống:

205,6 × 01 2,056 × 10

0,052 × 100 5,2 × 10

25,86 × 0,01 258,6 × 0,01

0,025 × 100 250 × 0,1

 9458 × 0,001 0,9458 × 1000

 586,25 × 10 58625 × 0,1

**Dạng 2. Bài tập trắc nghiệm có nhiều lựa chọn**

Chọn kết quả đúng cho mỗi phép tính sau:

1. Phép tính 852,31 × 9
2. 7670,79 B. 76,7079 C. 767079 D. 7668,31
3. Phép tính 256,78 × 10
4. 25678 B. 2,5678 C. 25,678 D. 2567,8
5. Phép tính 0,569 × 0,1
6. 56,9 B. 5,069 C. 0,0569 D. 0,00569
7. Phép tính 5,48 × 9,6
8. 526,08 B. 52,608 C. 5260,8 D. 52608
9. Phép tính 0,059 × 100
10. 5,9 B. 0,00059 C. 59 D. 0,000059

**Dạng 3. Bài tập trắc nghiệm đúng – sai**

Đúng ghi Đ sai ghi S vào ô trống dưới mỗi cách thực hiện phép tính sau:

**1,  2,  3, **

 **c, Phép chia**

 **Dạng 1. Bài tập trắc nghiệm điền khuyết**

**Bài 1.** Điền từ thích hợp vào chỗ chấm để tạo ra các nhận định đúng:

1.Trong phép chia số thập phân cho một số tự nhiên, trước khi lấy chữ số đầu tiên của phần thập phân của số bị chia để đưa vào phép chia ta …………… vào bên phải thương đã tìm được.

2. Muốn chia một số thập phân cho 10; 100; 1000;….. ta chỉ việc chuyển dấu phẩy của số đó …………………….. một, hai, ba….. chữ số.

3. Muốn chia một số thập phân cho ………………………. ta chỉ việc chuyển dấu phẩy của số đó lần lượt sang bên phải một, hai, ba chữ số.

4. Khi chia một số tự nhiên cho một số tự nhiên mà còn dư ta đánh dấu phẩy vào bên phải số thương rồi thêm vào bên phải số dư ………………. để chia tiếp.

5. Khi chia cả số bị chia và số chia với …………………… thì thương không thay đổi.

6. Khi chia một số tự nhiên cho một số thập phân, ta thêm vào bên phải số bị chia …………………………… bằng số chữ số ở phần thập phân của số chia và …………………. ở số chia rồi làm phép chia như đối với các số tự nhiên.

7. Muốn chia một số thập phân cho một số thập phân, ta đếm xem có bao nhiêu ………………………… của số chia thì …………………………… ở số bị chia sang bên phải bấy nhiêu chữ số và ………………………………….. ở số chia rồi làm phép chia như chia cho số tự nhiên.

**Bài 2.** Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

1. 23,86 : ……….. = 2,386
2. 45,825 : 0,01 = …………..
3. ……… : 100 = 82,469
4. ………: 0,1 = 735,69
5. 7568,4 : ……. = 7,5684
6. 2,8376 : 0,001 = ………….

**Bài 3.** Điền dấu thích hợp vào ô trống:

54,28 × 0,01 54,28 : 100

375,49 : 0,1 375,49 × 0,1

89,73 : 10 89,73 × 10

58,763 × 100 5,8763 × 1000

296,43 × 0,01 29,643 × 0,1

735,298 : 0,01 73,5298 × 100

628,49 : 0,001 628,49 × 1000

**Dạng 2. Bài tập trắc nghiệm đúng sai**

**Bài 1.** Đúng ghi Đ sai dhi S vào ô trống dưới mỗi cách đặt tính sau:

|  |  |
| --- | --- |
| 1) 752 3,5 | 2) 5670 25,8 |
| 3) 258,35 2,5 | 4) 45,6,8 3,4 |
| 5) 765,20 2,35 | 6) 438,5 59,64 |

**Bài 2.** Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống dưới mỗi cách thực hiện phép tính sau:

**1)**33,957 **2)** 476,8 8

 59 485 76 59,6

 35 4 8

 0 0

**3)** 0,968 8 **4)** 0,564 4

 16 0,121 16 141

 08 04

 0 0

**5)** 82 25 **6)** 98 35

 70 328 280 2,8

 200 0

 00

**7)** 75,85 25 **8)** 73,008 18

 0 85 3,34 01,00 4,056

 100 108

 00

**9)** 1980,99 9 **10)** 1025,00,5 0,05

 18 220,11 025 205,1

 009 0 5

 09 0

 0

**Dạng 3. Bài tập trắc nghiệm có nhiều lựa chọn**

Xác định số dư cho mỗi phép sau bằng cách khoanh tròn vào chữ cái trước đáp án đúng (Thương lấy đến 3 chữ số bao gồm cả phần nguyên và phần thập phân).

1. Phép tính 94 : 19
2. 14 B. 1,4 C. 0,14
3. Phép tính 17 : 3,7
4. 0,017 B. 0,17 C. 1,7
5. Phép tính 383,58 : 65
6. 8 B. 0,08 C. 0,8
7. Phép tính 63,06 : 8,2
8. 2 B. 0,02 C. 0,002
9. Phép tính 46 : 78
10. 0,058 B. 58 C.0,58
11. Phép tính 99,2 : 4,35
12. 2 B. 0,902 C. 0,2

 **6. Đáp án một số bài tập và hướng dẫn sử dụng hệ thống bài tập trắc nghiệm khách quan:**

 **6.1. Đáp án của một số bài tập đã được thiết kế:**

 **6.1.1. Hệ thống bài tập khắc phục lỗi sai khi học khái niệm số thập phân**

 **Dạng 1. Bài tập trắc nghiệm điền khuyết**

**Bài 1**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Tử số - chữ số 0- phân số thập phân 2. Chữ số 0 - chữ số 0 3. Tử số 4. Thương - số dư 5. Phần nguyên - phần thập phân 6. 2-5 7. Phần nguyên - phần thập phân  | 8. Phần nguyên - phần phân số 9. Mẫu số 10. Có tử số bé hơn mẫu số (Phân số nhỏ hơn 1) 11. Gấp 10 lần 12. Bên trái hai chữ số 13.Bên phải 3 chữ số  |

14. Hàng đơn vị– hàng chục- hàng trăm – hàng phần mười - hàng phần trăm - hàng phần nghìn

**Bài 2**

1. 1,08 - đơn vị - phần trăm

2. 0,005 - đơn vị - phần nghìn

3. 86,703 - đơn vị - phần mười – phần nghìn

4. 512,432 - đơn vị - phần mười - phần trăm-phần nghìn

5. 0,015- đơn vị - phần trăm - phần nghìn

**Bài 3**

+ 0,258 = $\frac{…2..}{10}$+ $\frac{.5..}{1000}$+$\frac{.8..}{1000}$

+ 0,479 = $\frac{4}{..10..}$+ $\frac{7}{100..}$+$\frac{9}{1000}$

+ 5,603 = 5...+ $\frac{6}{..10..}$ + $\frac{3}{1000}$

+ 0,009 = $\frac{9}{1000}$

+ 0,08 = $\frac{8}{100..}$

 **Dạng 2. Bài tập trắc nghiệm nối cặp đôi**

Nối các số thập phân ở cột A với các số thập phân tương ứng ở cột B:

1,

$$\frac{305}{100}$$

3,5

$$\frac{35}{10}$$

3,005

$$\frac{928}{10}$$

3,05

$$\frac{928}{100}$$

92,8

$$\frac{3005}{1000}$$

9,28

$$\frac{928}{1000}$$

0,928

2,

$$3\frac{5}{100}$$

3,5

$$15\frac{105}{100}$$

3,005

15,1

$$3\frac{5}{10}$$

15,15

$$3\frac{5}{1000}$$

15,105

$$15\frac{15}{100}$$

3,05

$$15\frac{1}{10}$$

 **Dạng3. Bài tập trắc nghiệm có nhiều lựa chọn**

**Bài 2.** Chọn giá trị đúng nhất của chữ số 5 trong mỗi số sau đây:

1. C 4. D

2. B 5. C

3. A 6. B

 **Dạng 4. Bài tập đúng sai**

**Bài 1.** Đúng ghi Đ sai ghi S vào ô trống sau mỗi câu sau đây:

|  |  |
| --- | --- |
| 1. a) Đ b) S | 6. a) Đ b) S |
| 2.a)S b) Đ  | 7. a) Đ b) S  |
| 3. a) Đ b) S | 8. a) S b)Ð |
| 4. a) S b) Đ  | 9. a) Đ b) S |
| 5.a) S b) Đ  |  |

 **6. 1.2. Hệ thống bài tập nhằm khắc phục lỗi sai khi so sánh và sắp thứ tự số thập phân**

**Dạng 1. Bài tập trắc nghiệm điền khuyết**

**Bài 2:** Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm:

370,05 < 370,5 307,5 = 307,50

52,895 > 32,895 172,562 > 127,321

**Bài 3.**Viết thêm chữ số 0 vào bên phải phần thập phân của các số sau để phần thập phân của chúng có số chữ số bằng nhau:

a) 258,6 = 258,600 289,06 =289,060 735,956 =

b) 0,005 = 7,69 = 7,690 0,9 = 0,90

 **Dạng 3. Bài tập trắc nghiệm có nhiều lựa chọn**

**Bài 1.** Viết các số thập phân sau dưới dạng thu gọn nhất:

1. B 4. A
2. A 5. C
3. C 6.A

**Dạng 4. Bài tập trắc nghiệm đúng sai**

**Bài 1:** Các câu đúng (Đ): b,c,h,i,k,p,q

 Các câu sai: (S): a,d,e,g,l,m,n,o

**Bài 2:** a) Đ b) S

 c) Đ d) Đ

**6.1.3. Hệ thống bài tập nhằm khắc phục lỗi sai khiviết số đo đại lượng dưới**

**dạng số thập phân**

 **Dạng1. Bài tập trắc nghiệm điều khuyết**

**Bài 1.** Điền từ thích hợp vào chỗ chấm để tạo thành các nhận định đúng:

1. bé hơn liền nó – kém 4 lần

2. diện tích

3. gấp 10 lần - $\frac{1}{10}$lần

4. nhỏ hơn – lớn hơn

5. nhân nhẩm

6. đơn vị bé - đơn vị lớn

**Bài 2.** Điền đơn vị đo thích hợp vào bảng theo trật tự từ lớn đến bé:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| km | hm | dam | m | dm | cm | mm |
| tấn | tạ | yến | kg | hg | dag | g |
| $$km^{2}$$ | h$m^{2}$ | da$m^{2}$ | $$m^{2}$$ | $$dm^{2}$$ | c$m^{2}$ | $$mm^{2}$$ |

***Dạng 2. Bài tập trắc nghiệm nối cặp đôi***

**Bài 1:**

$$km^{2}$$

hah

hh

$$hm^{2}$$

$$cm^{2}$$

$$mm^{2}$$

$$dam^{2}$$

$$dm^{2}$$

$$m^{2}$$

Xăng-ti-mét vuông

Đề-ca-mét vuông

Mét vuông

Mi-li-mét vuông

Đề-xi-mét vuông

Héc-tô-mét vuông

Ki-lô-mét vuông

***Dạng3. Bài tập trắc nghiệm nhiều lựa chọn***

hg

Đề-ca-mét

**Bài 1 :** 1. A 2. B 3. C

 4.C 5. A 6. B

**Bài 2:**1. A 2. B 3. C 4.D 5.B 6. A

**Bài 3:** 1. B 2.D 3.A 4. C 5. A 6. B

 **Dạng 4. Bài tập trắc nghiệm đúng sai**

**Bài 1**

a) Đ b) Đ c) S d) Đ

e) S g) Sh) Đ i) S

**Bài 2**

a) S b)Ð c)Ð d)Ð

e) S g) Đ h)Ð

**6.1.4. Hệ thống bài tập chẩn đoán và ngăn ngừa lỗi sai khi học các phép**

**tính trên số thập phân**

**a. Phép cộng, phép trừ**

 **Dạng1. Bài tập trắc nghiệm điền khuyết**

**Bài 1.**

1. cùng hàng đơn vị 2. dấu phẩy

3. phần nguyên 4. giao hoán - kết hợp

5. tổng của chúng không thay đổi 6. tổng của hai số còn lại

**Bài 2.** Điền chữ hoặc số thích hợp vào chỗ chấm:

a + b = b + a

(a + b) + c = a + (b + c)

a + 0 = 0 + a = a

**Dạng 3. Bài tập trắc nghiệm có nhiều lựa chọn**

1. A 2. C

3. B 4. D 5. B

**Dạng 4. Bài tập trắc nghiệm đúng - sai**

**Bài 1**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. S 2. S  | 3. Đ 4. Ð | 5. S 6. Đ | 7. S 8. S  | 9. Ð 10. Đ |
| **Bài 2:**1. S  | 2. S | 3. Đ  | 4. Đ | 5. S 6.Ð |

**b. Phép nhân**

**Dạng 1. Bài tập trắc nghiệm điền khuyết**

**Bài 1**

1. lần lượt sang bên trái 2. lần lượt sang bên phải

3. không thay đổi 4. tích của hai số còn lại

5. tổng số chữ số

**Bài 2.** Điền chữ hoặc số thích hợp vào chỗ chấm:

a × b = b × a (a × b) × c = a × (b × c)

(a + b) × c = a × c + b × c 1 × a = a × 1 = a

 0 × a = a × 0 = 0

**Bài 3.** Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

1. 2,58 ×**0,1** = 25,8 2. 659,45 × .........= 65,945

3. **7,522**× 100 = 752,2 4. 0,592 × 1000 = **592**

5. 528,45 ×**0,01** = 5,2845 6. 0,565 ×**0,001** = 565

7. **0,5**× 0,01 = 0,005 8. 0,009 × **0,01** = 0,9

 9. 656,5 ×**0,001** = 0,6565 10. **0,0052** × 100 = 0,52

**Bài 4.** Điền dấu thích hợp vào ô trống:

205,6 × 0,1 = 2,056 × 10 0,052 × 100 <5,2 × 10

25,86 × 0,01 > 258,6 × 0,01 0,025 × 1000 =250 × 0,1

9458 × 0,001 < 0,9458 × 1000 586,25×10 = 58625 × 0,1

**Dạng 2. Bài tập trắc nghiệm có nhiều lựa chọn**

1. A2.D 3. C 4. B 5. A

**Dạng 3. Bài tập trắc nghiệm đúng-sai**

1. S 2. S 3. S 4. Ð

5. S 6. Đ 7. S 8. Đ

9. Đ 10. S 11.S 12. Ð

13. S 14. Đ

**c. Phép chia**

**Dạng 1. Bài tập trắc nghiệm điền khuyết**

**Bài 1.** Điền từ thích hợp vào chỗ chấm để tạo ra các nhận định đúng:

1. đánh dấu phẩy 2. lần lượt sang bên trái

 3. 0,1; 0,01; 0,001.. 4. chữ số 0

5. cùng một số khác 0 6. số chữ số 0 – xoá bỏ dấu phẩy

 7. chữ số ở phần thập phân – chuyển dấu phẩy - xoá bỏ dấu phẩy

**Bài 2.** Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

7. 23,86 : **10** = 2,386

8. 45,825 : 0,01 = **4582,5**

9. **8246,9** : 100 = 82,469

10. **73,569** : 0,1 = 735,69

11. 7568,4 : **1000** = 7,5684

12. 2,8376: 0,001 = **2837,6**

**Bài 3.** Điền dấu thích hợp vào ô trống:

54,28 × 0,01 = 54,28 : 100 375,49 : 0,1 > 375,49 × 0,189,73 : 10 < 89,73 × 10 58,763 × 100 = 5,8763 × 1000296,43 × 0,001 < 29,643 × 0,1 73,5298 × 100 < 735,298 : 0,01

628,49 : 0,001 = 628,49 ×1000

**Dạng 2. Bài tập trắc nghiệm đúng sai**

**Bài 1:** 1. S 2. Đ 3. S 4.Đ 5. Đ 6. S

**Bài 2:**

 1. S 2. Ð 3. Đ 4. S 5. S 6. Ð 7. S 8.Ð 9. Đ 10. S

**6. 2. Một số ví dụ minh họa cách sử dụng và khai thác bài tập đã thiết kế**

**Ví dụ 1:** Điền số thích hợp vào bảng sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hỗn số | Phân số thập phân | Số thập phân |
| $$25\frac{6}{100}$$ |  |  |
|  | $$\frac{126}{10}$$ |  |
|  |  | 49,08 |

 Giáo viên phải xác định được mục tiêu của bài tập này là: rèn luyện kiến thức về khái niệm số thập phân, sử dụng bài tập này nhằm chẩn đoán và khắc phục lỗi sai khi chuyển đổi số thập phân sang các loại số khác và ngược lại.

 Các tình huống có thể xảy ra:

**Tình huống 1:** Học sinh làm đúng bài tập

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hỗn số | Phân số thập phân | Số thập phân |
| $$25\frac{6}{100}$$ | $$\frac{2506}{100}$$ | 25,06 |
| $$12\frac{6}{10}$$ | $$\frac{126}{10}$$ | 12,6 |
| $$49\frac{8}{100}$$ | $$\frac{4908}{100}$$ | 49,08 |

- Giáo viên yêu cầu học sinh nêu cách làm: chuyển hỗn số sang số thập phân, phân số thập phân làm như thế nào; chuyển phân số thập phân sang số thập phân và hỗn số làm như thế nào; chuyển số thập phân sang phân số thập phân và hỗn số làm như thế nào?

**Tình huống 2:** Học sinh làm sai.

$25\frac{6}{100}\frac{256}{100}$ 2,56

 Giáo viên thu được thông tin phản hồi: Học sinh nắm chưa vững cấu tạo hàng của số thập phân.

 Giáo viên yêu cầu học sinh trình bày cách làm của mình để từ đó chỉ ra lỗi sai cho chính học sinh đó và để các học sinh khác hiểu rõ vấn đề, tránh lặp lại sai lầm như vậy.

**\* Ví dụ 2** Viết số thập phân sau dưới dạng thu gọn nhất:

Số thập phân 0,00500:

A. 0,0500 B. 0,500 C. 0,005 D. 0,0050

- Mục tiêu: Rèn kiến thức về so sánh và sắp thứ tự số thập phân. Sử dụng bài tập nhằm khắc phục lỗi sai khi áp dụng tính chất bằng nhau của số thập phân.

- Các tình huống có thể xảy ra:

+ Tình huống 1. Có học sinh chọn đáp án A. Tức là chỉ xoá một chữ số 0 ở ngay sau dấu phẩy ta sẽ được một số thập phân bằng số thập phân đã cho.

+ Tình huống 2. Chọn đáp án B. Xoá tất cả các chữ số 0 ở ngay sau dấu phẩy ta sẽ được một số thập phân bằng số thập phân đã cho.

+ Tình huống 3. Chọn đáp án C. Áp dụng đúng tính chất bằng nhau của số thập

phân.

+ Tình huống 4. Chọn đáp án D. Học sinh hiểu máy móc tính chất bằng nhau của số thập phân là chỉ được phép xoá một chữ số 0 ở tận cùng bên phải của số thập phân.

 Qua mỗi tình huống giáo viên đánh giá được mức độ hiểu và áp dụng tính chất bằng nhau của số thập phân. Việc yêu cầu học sinh lí giải cách làm của mình giúp học sinh nhận ra sai lầm của mình cũng như của bạn để tránh đồng thời cách làm này cũng làm giảm bớt tình trạng đoán mò của học sinh.

 **7. Kết quả đạt được:**

 Trong quá trình giảng dạy và áp dụng sáng kiến này, bản thân tôi được bổ sung thêm vốn kiến thức rất hữu ích. Với học sinh, ngoài việc truyền tải đầy đủ kiến thức cơ bản, tôi luôn khuyến khích các em tìm ra các cách giải mới, hay cho mỗi bài toán. Tôi đã áp dụng khi dạycác bài toán về chủ đề số thập phân, để giúp học sinh nắm vững kiến thức và khắc phục những lỗi sai cơ bản, giúp các em hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập của mình. Chính vì vậy tôi luôn áp dụng các bài tập này trong các bài học, đặc biệt là trong các tiết toán ôn tập hay các bài tập cho các em luyện tập thêm.Với những học sinh còn hạn chế có thể dựa vào các gợi ý kết quả đã cho để lựa chọn cách làm hoặc kết quả đúng. Còn đối với học sinh có năng khiếucác em thi đua nhau tìm ra cách giải nhanh nhất và ngắn gọn nhất.Đánh giá lại tình hình học tập của học sinh, tôi nhận thấykết quả học tập của các em đã có rất nhiều tiến bộ. Các em không còn ngại học toán như trước nữa. Các em có tiến bộ rõ rệt, đặc biệt là trong cách phát hiện dấu hiệu và lựa chọn cách làm, kết quả, cách lập luận của các em cũng giúp các em thêm yêu thích môn Toán, ham thích tìm tòi, kích thích tư duy, óc sáng tạo của các em. Chính vì vậy, các em không còn lúng túng khi làm các bài tập về số thập phân mà ngược lại, các em rất hứng thú và ham thích làm các bài tập dạng này. Sau khi áp dụng các bài tập trắc nghiệm khách quan vào dạy học toán, tôi đã tiến hành khảo sát ở 2 lớp có trình độ ngang nhau: 5A (lớp thực nghiệm), 5B (lớp đối chứng) tôi đã thu được kết quả như sau:

**Đề bài:** Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

**Câu 1:** Phân số viết dưới dạng số thập phân là :

 A. 62,5 B. 6,25 C. 0,625 D. 0,0625

**Câu 2:** Số thích hợp điền vào chỗ chấmcủa 3 m3 76 dm3 = ......... m3  là :

 A. 3,76 B. 3,760 C. 37,6 D. 3,076

**Câu 3:** Viết vào chỗ chấm:

Số thích hợp điền vào chỗ chấm của 1 giờ 15 phút = .............. giờ

**Câu 4:** Thể tích hình lập phương có cạnh 2,1 cm là:

 A. 4,41 cm3 B. 44,1 cm3  C. 9,261 cm3  D. 92,61 cm3

**Câu5**. Bán kính hình tròn là 3dm. Tính diện tích hình tròn đó.

(Khoanh vào “Đúng” hoặc “Sai”)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Kết quả** | **Trả lời** | **Kết quả** | **Trả lời** |
| A. 18,84 dm2 | Đúng / Sai | B. 28,26 dm3 | Đúng / Sai |
| C. 28,26 dm2 | Đúng / Sai | D. 9,42 dm2 | Đúng / Sai |

**Câu 6:**Kết quả của phép cộng: 138,2 + 68,45 là:

|  |  |
| --- | --- |
| A. 206,65 B. 20,665 |  C. 82,27 D. 822,7 |

**Câu 7:** Một hình thang có độ dài hai đáy lần lượt là 26cm và 64cm . Chiều cao hình thang 30 cmthì diện tích hình thang là:

 A. 2700cm B. 2700cm2 C. 1350cm D. 1350cm2

**Câu 8:** Một lớp học có 30 học sinh, trong đó có 12 bạn nữ. Hỏi số bạn nữ chiếm bao nhiêu phần trăm so với số học sinh cả lớp ?

 A. 40% B. 60% C. 25% D. 125%

**Câu 9:**Một hình tam giác có diện tích 600cm2, độ dài đáy 40cm. Chiều cao của tam giác là:

 A.15cm B.24000cmC.30cm D. 1200cm

**Câu 10:** Một người đi xe máy trong 3 giờ được 105 km. Vận tốc của người đi xe máy là:

A. 35 km /giờ B. 315 km /giờ C. 35 km D. 35km/phút

 \*Kết quả thu được như sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Lớp | Sĩ số | Điểm 9 – 10 | Điểm 7 - 8  | Điểm 5 - 6 | Điểm dưới 5 |
| SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| 5A | 23 | 12 | 52 | 8 | 35 | 3 | 13 | 0 | 0 |
| 5B | 24 | 7 | 29 | 8 | 33 | 5 | 21 | 4 | 17 |

 Qua chất lượng khảo sát, số lượng bài làm tốt của lớp 5A chiếm tỉ lệ cao hơn so với số bài làm của lớp 5B. Điều đó chứng tỏ việc vận dụng các bài tập trắc nghiệm khách quan trong quá trình dạy học chủ đề số thập phân đã mang lại hiệu quả thiết thực, giúp HS phát huy được năng lực sở trường của mình, kích thích khả năng tư duy, sáng tạo của các em, giúp các em đạt kết quả cao hơn trong học tập.

**8. Điều kiện để sáng kiến được nhân rộng:**

 Để sáng kiến này áp dụng được hiệu quả thì giáo viên phải nghiên cứu kĩ bài học, tìm cách thiết kế phù hợp với nội dung của từng bài, đảm bảo được nội dung kiến thức, phát huy tối ưu lợi ích của các bài tập mang lại, tránh rườm rà, lạm dụng bài làm mất thời gian của tiết học. Giáo viên phải chủ động lên kế hoạch dạy học phù hợp với đối tượng học sinh của lớp mình. Muốn làm được điều đó thì giáo viên phải tâm huyết với học sinh của mình, dành thời gian nghiên cứu và soạn giảng chi tiết cho các tiết học Toán, đặc biệt là các tiết luyện Toán trong buổi 2. Khi soạn giảng, giáo viên cần chú ý dành thời gian để nghiên cứu tài liệu, sách tham khảo, phân loại các bài tập; lượng bài tập phù hợp với năng lực và đối tượng học sinh; kiểm tra đánh giá thường xuyên, kịp thời tới mọi đối tượng.

**KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ**

 **1. Kết luận**

 Các bài toán về chủ đề số thập phân trong chương trình Toán lớp 5 rất đa dạng, phong phú có nhiều kiến thức, tri thức mới đòi hỏi học sinh phải có cách học sáng tạo, trên cơ sở các kiến thức cơ bản đã học và vận dụng linh hoạt các kiến thức cơ bản đó để giải quyết. Chính vì vậy phải đòi hỏi người giáo viên cần tìm tòi, sáng tạo trong cách dạy học giúp HS tiếp cận với những tri thức mới đó, cần tạo ra được cái mới trong học tập và trong hoạt động nhận thức của học sinh đặc biệt chú trọng phương pháp dạy học phát huy được năng lực, sở trường của từng đối tượng HS.

Đặc điểm tâm lí của học sinh tiểu học là dễ nhớ, chóng quên nên để rèn kĩ năng cho học sinh thì phải cho học sinh thực hành, củng cố ôn luyện thường xuyên. Để học sinh có kĩ năng giải toán tốt thì trong quá trình dạy - học cần phải có sự nỗ lực của cả giáo viên và học sinh.

 Đểđưa sáng kiến trên vào áp dụng trong thực tế hàng ngày, GV cần:

 - Nghiên cứu sâu và nắm bắt rõ về bản chất của các vấn đề nêu trên.

 - Chuẩn bị các ví dụ điển hình đưa ra và tổng quát được vấn đề.

 - Luôn tạo điều kiện để HS phát hiện ra và có thể tổng quát được vấn đề.

 - Có một thời gian và thời lượng phù hợp để cùng học sinh khám phá và ghi nhớ các dấu hiệu của bài học, không làm quá tải đối với HS.

 - Rèn luyện cho học sinh từng bước có kĩ năng đánh giá, quan sát và nhận biết tổng quát vấn đề từ những biểu hiện cụ thể.

 **2. Khuyến nghị**

 - Đối với cơ quan chỉ đạo và quản lí chuyên môn cấp trên: Thường xuyên

mở các lớp bồi dưỡng chuyên đề về đổi mới phương pháp dạy học; cung cấp nhiều tài liệu chuẩn về đổi mới phương pháp dạy học.

 - Đối với nhà trường:Nhà trường có thể tổ chức các chuyên đề về dạy học phát huy tính tích cực, chủ động của học sinh. Động viên khen thưởng kịp thời đối với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong học tập.

 - Đối với giáo viên: Giáo viên cần tích cực đổi mới phương pháp dạy học, chú trọng việc giảng dạy lấy học sinh làm trung tâm, dạy học phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS. Để làm được điều đó, trong quá trình dạy học toán, giáo viên cần chú ý ngoài việc truyền tải đầy đủ kiến thức cơ bản tới HS, luôn khuyến khích các em tìm ra các cách giải mới, hay cho mỗi bài toán. Đưa ra nhiều ví dụ từ đơn giản đến phức tạp và sau mỗi quy tắc đều đưa ra công thức hoặc bước giải quyết tổng quát.

 + Giáo viên cũng cần nghiên cứu, tự học, tự bồi dưỡng, tham khảo các tài liệu để tìm ra các phương pháp, các cách giải mới cho mỗi dạng toán; phát triển trên cơ sở các kiến thức cơ bản trong SGK. Dành thời lượng hợp lý để có thể giúp học sinh tiếp cận với các cách giải mới, các phương pháp mới.

 + Giáo viên nên khéo léo, khuyến khích, động viên và khen thưởng kịp thời đối với những HS có thành tích cao trong học tập, có tiến bộ, tạo không khí lớp học sôi nổi, hào hứng, giờ học đạt kết quả tốt.

 + Giáo viên cũng cần kết hợp chặt chẽ giữa ba môi trường giáo dục; nhà trường, gia đình, xã hội để tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh trong việc học tập, giúp học sinh phát huy được tối đa năng lực, phẩm chất.

 - Đối với học sinh: Học sinh phải tìm tòi, sáng tạo, tự rèn thành thạo các kĩ năng, kĩ xảo trong khi làm bài. Các em cần có tính tỉ mỉ, nghiêm túc, có tính kỷ luật cao trong học tập góp phần giúp các em rèn tính tự chủ, năng động, sáng tạo, tự giải quyết các vấn đề mà cuộc sống đặt ra.

 Trên đây là một số biện pháp mà tôi đã thực hiện nhằm chẩn đoán và khắc phục những lỗi sai của học sinh khi học chủ đề số thập phân để phát triển tư duy toán học của HS. Đồng thời khắc phục những hạn chế mà học sinh hay mắc phải nhằm nâng cao chất lượng dạy và học môn Toán.

Rất mong sự đóng góp và nhận xét của hội đồng xét duyệt.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Vũ Thị Hợi - Sử dụng câu hỏi trắc nghiệm giáo dục- Tạp chí Nghiên cứu giáo dục.

2. Trần Ngọc Lan - Khắc phục những vướng mắc điển hình của học sinh lớp 5 khi viết các số đo đại lượng dưới dạng số thập phân.

3. Biện pháp khắc phục những lỗi sai thường gặp của học sinh lớp 5 khi học số thập phân, Tạp chí khoa học.

 4. Sách giáo khoa, sách giáo viên và một số tài liệu dạy học Toán 5.

5. Nguyễn Trọng Phúc - Trắc nghiệm khách quan và vấn đề đánh giá trong giảng dạy.